

**Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh
Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm
Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương**

四十華嚴經

普賢行品

吉祥雲比丘章

Phần 3

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Địa điểm: Cảnh Mỹ Hoa Tạng Đồ Thư Quán, Đài Loan, năm 1993
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo chánh: Minh Tiên và Huệ Trang

Tập thứ năm (12-13-05)

Xin mở quyển kinh, trang thứ mười hai, dòng cuối cùng, xem từ dòng cuối cùng trở đi.

(Sớ) Nhược ước biểu vị, thử trung chánh thị Phát Tâm Trụ thể. Dĩ bốn giải tánh văn huân chi lực, linh khai phát cố, danh quyết định giải.

(疏)若約表位，此中正是發心住體。以本解性聞薰之力，令開發故，名決定解。

(Sớ: Nếu căn cứ theo sự biểu thị địa vị [để luận định] thì chỗ này chỉ thẳng vào cái Thể của địa vị Phát Tâm Trụ. Dùng sức Văn Huân của tánh hiểu biết sẵn có để khiến cho khai ngộ, phát tâm, nên gọi là “quyết định giải”).

Hôm qua vì thời gian bó buộc, câu này chỉ giảng được một nửa. Đây là câu thứ hai trong bốn câu. Dùng “trí quang chiếu diệu” (ánh sáng trí huệ rực sáng) để giải thích ý nghĩa của câu “quyết định giải” trong phần trước. Đoạn cuối cùng, nêu luận về sự biểu thị pháp; “nhược ước biểu vị”, Nhược (若) là giả thiết (ví như), ví như dùng sự biểu thị pháp để nói. “Vị” là năm mươi một địa vị của bậc Bồ Tát, tỳ-kheo Cát Tường Vân là đại biểu cho địa vị Sơ Trụ, tức bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, Ngài đại diện cho địa vị này. “Thử trung chánh thị Phát Tâm Trụ thể”, câu này nhằm nói tới “trí quang chiếu diệu”, trí Quyết Định Giải chính là thể tướng của [địa vị] Phát Tâm Trụ (Sơ Trụ). “Phát tâm” chính là phát Bồ Đề tâm. Nếu không có trí huệ chân thật, sẽ không thể khởi Bồ Đề tâm được! Vì thế, chỉ cần Bồ Đề tâm thật sự phát khởi, người ấy sẽ là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, trí huệ sẽ thấu lộ ra.

Hai câu kế tiếp là để giải thích. “*Dĩ bốn giải tánh*”, “*bốn giải*” chính là “*trí quyết định giải*” đã nói trong phần trước. “*Giải*” là thấu hiểu điều gì? Nói sơ sài, cạn cợt nhất, sẽ là chân tướng của vũ trụ, nhân sinh, vị ấy đều hiểu rõ, đều hiểu rành, một mảy may nghi hoặc cũng không có. Đây gọi là “*quyết định giải*”. Đây là trí huệ chân thật. Do trí huệ ấy hiện tiền, nên là Sơ Trụ Bồ Tát. Do vậy, “*dùng sức Văn Huân của tánh hiểu biết sẵn có để khiến cho [Bồ Đề tâm] được mở mang, phát khởi*”, câu “*bốn giải tánh*” (tánh hiểu biết sẵn có) rất ý vị. Do đây, biết rằng: Trí huệ chẳng phải là từ bên ngoài tới. Nếu do từ bên ngoài tới, sẽ chẳng có năng lực ấy. “*Bốn*” là vốn đã có sẵn, đã sẵn trọn đủ trong tự tánh của chúng ta. Vốn sẵn trọn đủ, vì sao năng lực ấy chẳng hiện tiền nơi chúng ta? Đây là vấn đề của Văn Huân. Chúng ta văn huân (huân tập do nghe pháp) không đủ, công phu Văn Huân chưa đến mức. Vì thế, “*bốn giải tánh*” chẳng tỏ lộ ra, cũng có nghĩa là trí huệ, đức năng vốn sẵn có trong bản tánh chẳng thể hiện tiền. Nếu muốn cho nó được hiện tiền, “*hiện tiền*” là khởi tác dụng, nhất định phải dựa vào Văn Huân. Văn là nghe pháp, Huân là huân tập. Chẳng những chỉ gồm Văn (nghe), mà còn phải bao gồm Tư, Tu, tức là Bồ Tát phải học Tam Huệ Văn - Tư - Tu.

“*Văn*” là tiếp xúc, đối với người mới học, nghe pháp hết sức trọng yếu. Nếu như Văn Huân không trọng yếu như thế, quý vị hãy suy nghĩ xem, lúc đức Thế Tôn tại thế, cần gì đức Phật phải giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm? Vì sao chẳng lập Niệm Phật Đường, dạy chúng ta thật thà niệm Phật? Hay lập Thiền Đường dạy chúng ta tu Thiền thất? Từ Đại Tạng Kinh, chúng ta thấy: Suốt một đời, đức Thế Tôn không làm những chuyện ấy. Mỗi ngày, Ngài giảng kinh thuyết pháp cho đại chúng, nhưng trong số các đệ tử, chúng ta biết Thường Tùy Chúng là hai ngàn năm trăm năm mươi lăm vị. Những vị ấy chẳng rời khỏi Phật, đức Phật đi đến đâu, họ liền theo đến đó. Nói cách khác, mỗi vị đều nghe kinh suốt mấy chục năm. Ngày ngày nghe, nghe suốt mấy chục năm, Văn Huân đầy! Cũng có người trong số quý vị nghĩ họ có phước báo như thế, hằng ngày được nghe pháp từ nơi Phật, chúng ta không có phước. Thật ra, phước báo của con người chúng ta hiện thời chẳng kém phước báo của người thời ấy, có thể nói là còn lớn hơn họ nữa kia!

Trước kia, không có máy thu âm, không có máy thu hình, nghe một lượt xong, không có cơ hội nghe lần thứ hai nữa. Suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp, trừ Vô Lượng Thọ kinh ra, chưa hề giảng [kinh nào] hai lần. Vì thế, Văn Huân đặc lực thật sự là chuyện rất khó. Do vậy, họ nghe quá nhiều, trọn chẳng chuyên nhất, hiệu quả đặc lực kém hơn rất nhiều. Hiện thời, chúng ta có công cụ khoa học, nếu ưa thích Hoa Nghiêm, mỗi ngày quý vị nghe kinh Hoa Nghiêm. Quý vị nghe trên mười năm hay tám năm, thâm nhập một môn so với những vị theo Thích Ca Mâu Ni Phật suốt bốn mươi chín năm, hiệu quả còn thù thắng hơn nhiều! Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Những vị ấy đã nghe nhiều quá, còn quý vị thì chuyên ròng một bộ. Nếu quý vị nghe Vô Lượng Thọ Kinh, nghe Di Đà Kinh, nghe hai trăm lượt, ba trăm lượt, sức Văn Huân chẳng thể nghĩ bàn. Vấn đề là chúng ta có làm được hay không? Có hiểu

đạo lý ấy hay không? Có chịu làm như thế hay không? Kinh Di Đà gọi đó là “*thiện căn, phước báo, nhân duyên*”.

Thiện căn là hiểu rõ đạo lý này. Thông đạt hiểu rõ là thiện căn, thật sự phát tâm là phước đức, “*duyên*” là cơ hội. Giống như trong ngôi đạo tràng nhỏ của chúng ta hiện thời, mỗi ngày mở cửa cho mọi người niệm Phật tại đây, trong hai mươi bốn tiếng chẳng ngưng nghỉ. Đây là duyên, là cơ hội. Có cơ hội để mọi người niệm Phật tại đây, có cơ hội để mọi người hằng ngày nghe kinh tại đây; đây là nhân duyên. Thiện căn, phước đức, nhân duyên, ba điều kiện đều đầy đủ, đây là đại phước báo! Phước báo thù thắng khôn sánh! Quý vị muốn thành tựu, không có lý nào chẳng thành tựu. Kinh giảng đến chỗ này, đại sư Thanh Lương dạy chúng ta: Vị Bồ Tát ấy chứng được địa vị Sơ Trụ là nhờ sức Văn Huân.

“*Linh khai phát cố*”: Chữ “*khai phát*” này là từ ngữ dùng trong nhà Thiên. Trong Thiên Tông thường nói là “*minh tâm kiến tánh, khai ngộ*”. “*Khai*” là khai ngộ, “*phát*” là phát tâm. Hễ khai ngộ, sẽ phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm; đây là nhập địa vị Sơ Trụ. Ý nghĩa này được gọi là “*quyết định giải*”. Do vậy, dùng từ ngữ “*trí quang chiếu diệu*” để giải thích chữ “*quyết định giải*”.

(Sớ) Tam, phổ nhãn minh triệt giả,

(疏)三普眼明徹者。

(Sớ: Ba, phổ nhãn minh triệt).

Đây là câu giải thích.

(Sớ) Thích quán cảnh tự tại nghĩa, vô cảnh bất quán, cố vân phổ nhãn.

(疏)釋觀境自在義。無境不觀，故云普眼。

(Sớ: Giải thích ý nghĩa “quán cảnh tự tại”, không cảnh nào chẳng quán, nên gọi là “phổ nhãn”)

“*Phổ*” là phổ biến, trong ấy có những ý nghĩa thanh tịnh, bình đẳng. Nếu như tâm không thanh tịnh, tâm chẳng bình đẳng, sẽ chẳng thể phổ biến được. Do vậy, tựa đề của phẩm kinh này là Phổ Hiền Bồ Tát, chữ Phổ này bao hàm những ý nghĩa thanh tịnh và bình đẳng một cách viên mãn. “*Vô cảnh bất quán*”, cảnh giới thù thắng của chư Phật Như Lai là Nhất Chân pháp giới. Thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật, thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật đều là Nhất Chân pháp giới. Từ Nhất Chân pháp giới trở xuống có mười pháp giới, trong hết thảy các cõi Phật đều có mười pháp giới. Các vị Bồ Tát thuộc địa vị này có năng lực phổ quán, không cảnh nào chẳng quán. Như trong phần trước đã nói, vị ấy muốn thấy cảnh giới nào, cảnh giới ấy liền hiện tiền; chẳng muốn thấy thì thế giới ấy sẽ không hiện nữa. Trong phần trên, tôi đã nói: Ví như chúng ta coi TV, muốn coi đài nào thì vặn sang băng tần (channel) ấy, màn hình liền hiện ra. Ở nơi đây, chúng ta muốn chọn một đài nào thì phải vặn sang băng tần ấy, còn các Ngài chẳng cần, chẳng mất công như thế, khởi tâm động niệm, cảnh giới liền

hiện tiền. Dưới đây, [ngài Thanh Lương] nêu một thí dụ, trong mười pháp giới nêu ra một thí dụ, lấy Phật [để dẫn chứng].

(Sớ) Dĩ như vi Phật, vô pháp bất như.

(疏)以如為佛，無法不如。

(Sớ: Bởi Như là Phật, không pháp nào chẳng như)

“Như” là Chân Như, là tự tánh. Bản tánh của Chân Như có thể hiện, có thể biến. Hết thấy các cảnh giới đều được biến. Nếu nói theo Phật pháp giới, “không pháp nào chẳng như”.

(Sớ) Tác vô phi Phật hỹ.

(疏)則無非佛矣。

(Sớ: Cho nên không gì chẳng phải là Phật vậy)

Chính là như kinh Hoa Nghiêm đã dạy: “Một tức hết thấy, hết thấy chính là một”. Đây là Phổ Nhãn. Nhập Phật pháp giới thì có pháp nào chẳng phải là Phật? Pháp nào cũng đều là Phật. Vì thế, cô đại đức bảo chúng ta, nếu mỗi người chúng ta thành Phật, thì khi người ấy thành Phật, sẽ thấy tận hư không, trọn pháp giới, hữu tình lẫn vô tình đều là Phật. Lời này cũng được nói trong kinh Hoa Nghiêm: “Tình dữ vô tình, đồng viên Chung Trí” (Hữu tình lẫn vô tình đều cùng viên mãn Chung Trí). Chung Trí là Nhất Thiết Chung Trí, tức là điều đã được chứng đắc bởi Như Lai. “Viên” là viên mãn. Hữu tình và vô tình cùng viên mãn Nhất Thiết Chung Trí, đây là thành Phật. Nếu bảo “*coi Như là Bồ Tát, thì không pháp nào chẳng phải là Bồ Tát*” thì hết thấy pháp tình và vô tình đều là Bồ Tát! Nói thật ra, đây cũng là quan niệm, trong vòng một niệm! Vì sao chúng ta không có cảnh giới ấy? Khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, liền phân biệt, chấp trước, khởi vọng tưởng, khởi chấp trước. Do vậy, ý niệm hết sức hỗn loạn.

Chư Phật, Bồ Tát ý niệm rất thanh tịnh; do thanh tịnh nên cảnh giới được hiện chỉ là một cảnh giới. Nếu quán thấy cảnh giới ấy là do Phật hiện thì là cảnh giới Phật, quán thấy cảnh giới ấy là do Bồ Tát hiện thì là cảnh giới Bồ Tát. Các Ngài hiện một cảnh giới, nhưng nay chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, cảnh giới ấy lộn xộn, lung tung. Vì sao có hiện tượng ấy? Chúng tỏ tâm tư quý vị rất loạn, tâm quý vị không thanh tịnh, chẳng phải là do cảnh giới bên ngoài gây loạn, mà do là chính cái tâm của quý vị loạn. Đây là như kinh luận Đại Thừa thường bảo: “*Tướng tùy tâm chuyển*” (Tướng chuyển biến theo tâm). Do vậy Như, Như là bản tánh Chân Như, là chân tâm. Nếu chân tâm của quý vị là Phật, sẽ thấy tất cả cảnh giới đều là Phật. Nếu tâm quý vị là tâm của Bồ Tát, sẽ thấy hết thấy cảnh giới đều là Bồ Tát. Hiện thời, tâm chúng ta thứ gì cũng đều trật; do vậy, thấy hết thấy pháp loạn xạ, lung tung. Đạo lý là như vậy đó.

Xã hội phức tạp như thế, xã hội hỗn loạn như thế, chúng ta điều chỉnh bằng cách nào? Người biết điều chỉnh, sẽ điều chỉnh từ tự tánh, sao quý vị lại điều

chỉnh từ bên ngoài? Chẳng thể được! Thưa với quý vị, đó gọi là “*cầu pháp ở ngoài tâm*”, chẳng thể điều chỉnh được! Cách điều chỉnh ra sao? Điều chỉnh từ nơi tự tánh. Quý vị điều chỉnh tự tánh, cảnh giới bên ngoài sẽ tự nhiên chuyển biến theo. Nhất định phải tin chư Phật, Bồ Tát là những vị đã từng trải, những gì các Ngài đã nói chính là tường thuật kinh nghiệm. Đây là “*tâm có thể chuyển cảnh*”; muôn phần chớ để cho tâm bị cảnh chuyển. Tâm bị cảnh chuyển là hồng rồi! Cảnh giới đã phức tạp như thế, tâm chúng ta thuận theo cảnh giới, sẽ càng phức tạp thêm, vọng niệm càng nhiều hơn. Phân biệt, chấp trước càng lúc càng nhiều, cảnh giới bên ngoài càng ngày càng nghiêm trọng, [đâm ra] chỉ chú trọng phát triển nơi phương diện phụ, chẳng thể chú trọng phát triển nơi phương diện chánh! Nếu muốn đem phương diện phụ quy về phương diện chánh, phải hoàn toàn dốc sức nơi tâm địa. Có như vậy thì mới có thể tự cứu mình, cứu chúng sanh, mới có thể biến đổi xã hội thành tốt đẹp hơn, thanh tịnh hóa lòng người. Lại xem tiếp câu thứ ba.

(Sớ) Dĩ giác vi Phật, vô tâm phi giác, tâm giai Phật hỹ.

(疏)以覺為佛，無心非覺，心皆佛矣。

(Sớ: Cõi giác là Phật, không tâm nào chẳng phải là giác, tâm đều là Phật vậy)

Chữ “*Phật*” này là phiên âm tiếng Phạn, có ý nghĩa là Giác. Nếu “*cõi Giác là Phật*” thì sao? “*Không tâm nào chẳng phải là giác*”. Sáu căn đối với sáu thứ cảnh giới, không có gì chẳng phải là giác, giác chính là Phật. Vì vậy, “*tâm đều là Phật*”. Chúng ta thường gọi điều này là “*Phật tâm*”, trong Pháp Tướng tông nói “*chuyển Thức thành Trí*” chính là ý nghĩa này. Chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, chuyển Mạt Na Thức thành Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí, chuyển năm Thức trước thành Thành Sở Tác Trí. Đây chính là “*không tâm nào chẳng phải là giác, tâm đều là Phật vậy*”. Đó gọi là Tứ Trí Bồ Đề. Mấy câu tiếp theo đó hết sức trọng yếu. Nếu chúng ta muốn học, muốn dụng công, phải nhớ kỹ nguyên tắc này.

(Sớ) Dĩ hư tâm chi giác, khế duy như chi cảnh.

(疏)以虛心之覺，契唯如之境。

(Sớ: Dùng sự giác ngộ bởi cái tâm rỗng rang để khế nhập cảnh chỉ là Như).

Hai câu này là cương lĩnh, là nguyên tắc tu hành trọng yếu. Do vậy, tâm phải trống, phải rỗng, trong tâm chẳng thể chứa thứ gì. Trong tâm vẫn còn có những vật gì thì sẽ mê, trong tâm không có gì thì là giác. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã giảng cho chúng ta biết: “*Bốn giác bốn hữu*” (Bốn giác vốn sẵn có). Ngài lại dạy chúng ta: “*Bất giác bốn vô*” (Bất giác vốn không có). Giác vốn là có, vì sao nay chúng ta không có cái giác tâm ấy? Là vì tâm quý vị không rỗng rang, tâm quý vị có thứ này, thứ nọ, cho nên tự tánh giác của quý vị bị chướng ngại. Thưa quý vị, chẳng phải là người khác gây trở ngại cho quý vị, mà

chính quý vị tự chướng ngại mình! Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính quý vị đã chướng ngại tự tánh giác. Tự tánh Giác là Phật, tự tánh Chánh là Pháp, tự tánh Tịnh là Tăng, gọi là Tự Tánh Tam Bảo. Bởi tâm quý vị có thứ này thứ nọ, nên Tự Tánh Tam Bảo của quý vị chẳng thể hiện tiền.

Sơ Trụ Bồ Tát đạt được tâm rộng rang, đoạn được Kiến Tư phiền não. Kiến Tư phiền não là chấp trước, Trần Sa phiền não cũng đoạn. Trần Sa phiền não là phân biệt. Trong hết thấy pháp, Ngài cũng chẳng khởi phân biệt, chẳng còn chấp trước, phân biệt; vĩnh viễn không có chấp trước. Vô minh cũng phá được một phẩm, tâm Ngài rộng rang, tâm trống không. Do rộng không, cho nên “*linh*” (靈), [thường được gọi bằng danh từ] “*không linh*” (giác tánh rộng rang). “*Linh*” là gì? Linh là giác, tự tánh giác hiện tiền. Giác tánh hiện tiền, sẽ khế hợp cảnh “*duy Như*” (chỉ có Như), tức là ngoài Như ra, tất cả những cảnh giới đều không có! Như là gì? Như là Chân Như. Pháp nào cũng đều là Như, không có pháp nào chẳng như, đây là cảnh giới chứng đắc bởi chư Phật Như Lai, không có một pháp nào chẳng như. Phải hiểu ý nghĩa này! Cỗ nhân có một tỷ dụ. Cỗ nhân dùng vàng ròng [làm tỷ dụ], tức là nói “*dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng*”, tỷ dụ này dễ hiểu. Các Ngài đem vàng ví với Như, đem pháp ví với các món vật, “*không pháp nào chẳng phải là Như*” chính là món vật nào cũng đều là vàng. Trong tâm ắt phải rộng không, tách lìa hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tự tánh giác sẽ hiện tiền. Sau đấy mới [thấy thấu suốt] pháp thế gian lẫn xuất thế gian trong tận hư không, trọn pháp giới, không có một pháp nào chẳng Như.

(Sớ) Tắc bất động pháp giới, cùng hồ tịch chiếu chi nguyên.

(疏)則不動法界，窮乎寂照之原。

(Sớ: Chính là pháp giới bất động, tột cùng nguồn tịch chiếu).

Nay chúng ta thấy cảnh giới bên ngoài là động, các Ngài thấy cảnh giới bên ngoài bất động. Đây là đạo lý gì vậy? Vẫn là như phần trước đã nói, “*cảnh chuyển theo tâm*”. Tâm các Ngài chẳng động, vì thế, thấy cảnh giới bên ngoài là bất động. Tâm chúng ta động, một niệm diệt, niệm sau sẽ sanh, sanh diệt, diệt sanh với tốc độ nhanh chóng [đến nỗi] phàm phu chúng ta chẳng thể tưởng tượng được. Vì thế, tâm của phàm phu là vọng tâm, vọng tâm là tâm bị động, chân tâm là bất động. Chân tâm là tướng tĩnh, tịch tĩnh; vọng tâm là vọng động. Do tâm động, nên trông thấy tướng cảnh giới bên ngoài đều là động, đều là sanh diệt. Bồ Tát vào trong cảnh giới này, tâm bất động, do vậy, thấy hết thấy vạn pháp đều là tướng tịch diệt, hiển thị “*pháp giới bất động tột cùng nguồn tịch chiếu*”. Tịch là Thê, Chiếu là Dụng, Tịch là thanh tịnh tâm, Chiếu chính là “*trí quang chiếu diệu*” như đã nói trong phần trước. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng chính là “*trí quang chiếu diệu*”. Tiếp theo đây, [đại sư] nói về nhập cảnh giới. Cảnh giới đẹp đẽ, cảnh giới tốt lành không có gì hòng sánh bằng được.

(Sớ) Tắc tâm cảnh giai Phật, Năng, Sở câu mãn

(疏)則心境皆佛·能所俱泯。

(Sớ: Tâm lẫn cảnh đều là Phật, Năng và Sở đều diệt mất).

Nếu có Năng, có Sở, thì vẫn là hai thứ. Đến khi ấy, Năng và Sở dung hợp thành một khối; trong ấy, không có giới hạn, trong tâm và cảnh không có giới hạn. Trong phần sau cuốn Niệm Phật Luận của đại sư Đàm Hư, chúng tôi có đính kèm những lời Ngài khai thị trong Phật Thát. Trong ấy, Ngài có kể một câu chuyện. Trước kia, Ngài dạy học tại chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân, miền Đông Bắc. Nơi ấy không có người xuất gia, thầy giáo, học trò đều là người tại gia. Ngài thỉnh một vị họ Trương, tức Trương tiên sinh làm hiệu trưởng. Trương tiên sinh cũng niệm Phật rất siêng. Có một ngày, ông ta hỏi lão hòa thượng: “Con niệm Phật có nghi hoặc”. Lão hòa thượng hỏi ông ta: “Ông nghi hoặc điều gì?” Ông ta thưa: “Con thấy trong kinh nói: ‘Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà’ – ông ta nói – Duy tâm Tịnh Độ thì tâm ta là Tịnh Độ, con còn phải cầu sanh Tịnh Độ làm gì? Tự tánh của ta là Di Đà, sao con còn phải niệm Di Đà?” Lão hòa thượng nghe xong gật đầu: “Ông hỏi rất có lý!” Nếu không giải quyết nghi vấn ấy thì ông ta niệm Phật sẽ bị chướng ngại, ông ta không niệm nữa.

Lão hòa thượng có trí huệ, hỏi ngược lại ông ta: “Giới hạn giữa tự tánh Di Đà và đức Di Đà ở Tây Phương là ở chỗ nào? Biên giới ở chỗ nào? Giới hạn giữa duy tâm Tịnh Độ của ông và Tây Phương Tịnh Độ lại ở chỗ nào?” Câu hỏi ấy rất hay! Vị hiệu trưởng ấy rất cuốc là người có học, cũng rất thông minh, có ngộ tánh đôi chút, ông ta nghĩ rất lâu, thưa: “Không có biên giới!” Không có biên giới thì Năng lẫn Sở đều mất. Đúng quá! Không có biên giới, niệm A Di Đà Phật là niệm tự tánh Di Đà, cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ là cầu sanh về duy tâm Tịnh Độ, tín tâm của quý vị mới định được, quý vị quyết định nắm chắc vãng sanh, vì sao vậy? Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ là của ta, sao ta không thể vãng sanh? Quý vị nói xem, quý vị dựa vào đâu mà có thể vãng sanh? Dựa vào đấy! Vì thế, sau khi thấu triệt đạo lý, quý vị kiên định tín nguyện, tuyệt đối chẳng bị dao động, chẳng hoài nghi: “Phật cao chót vót, làm sao ta với tới?” Không có ý niệm ấy, tự tánh Di Đà mà! Nhưng nếu không giải quyết được, nghi vấn ấy sẽ biến thành chướng ngại; quý vị suốt đời niệm Phật, vẫn chẳng có cơ hội vãng sanh. Khi vấn đề được giải quyết, tín nguyện liền kiên định. Sau này, Trương hiệu trưởng vãng sanh, biết trước lúc mất, thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

(Sớ) Năng Sở câu mãn, khởi phi phổ tai?

(疏)能所俱泯·豈非普哉。

(Sớ: Năng lẫn Sở đều mất, há chẳng phải là Phổ ư?)

Đây chính là ý nghĩa của chữ Phổ. Có Năng, có Sở thì còn là Phổ được sao? Bất luận cảnh giới sâu đến đâu, rộng đến mấy, vẫn chẳng thể cự lại được chữ Phổ này, ắt biên giới ấy phải tiêu tan. Vì thế, “vàng tức là đồ vật, đồ vật tức là vàng”, không có biên giới.

(Sớ) Như thử chân nhãn, phương vi minh triệt.

(疏)如此真眼，方為明徹。

(Sớ: Chân nhãn như thế thì mới là sáng suốt, thấu triệt)

Mắt thấy chân tướng của vũ trụ nhân sinh mới gọi là Minh, mới gọi là Triệt. Minh là hiểu rõ, Triệt là rốt ráo triệt để, là sở đắc của Bồ Tát. Điều cuối cùng là:

(Sớ) Cụ thanh tịnh hạnh.

(疏)具清淨行。

(Sớ: Đầy đủ hạnh thanh tịnh).

Câu này nhằm giải thích ý nghĩa của chữ Lục trong phần trước.

(Sớ) Phi duy tịnh tín, nhược Trầm, nhược Cử, chư Cái, chư Thủ, chư tam-muội chướng, giai tất bất sanh. Cố vân thanh tịnh.

(疏)非唯淨信。若沈若舉，諸蓋諸取，諸三昧障，皆悉不生。故云清淨。

(Sớ: Chẳng phải chỉ là tịnh tín, dù hôn trầm hay trạo cử, các Cái, các Thủ, các tam-muội chướng đều chẳng sanh. Cho nên gọi là “thanh tịnh”).

Trước hết, giảng đại lược ý nghĩa của hai chữ này. “Trầm” là hôn trầm, tinh thần không khởi lên được. Đặc biệt là khi niệm Phật, niệm Phật vào lúc nào? Khi chỉ tịnh, tức là khi quý vị ngồi xuống, chúng ta thường nhận thấy cũng có lắm khi chúng ta vừa ngồi xuống chưa được mấy phút là đã gật gù rồi. Đây là hôn trầm, mệt mỏi, tinh thần không phấn chấn được. “Cử” là trạo cử (lao chao), là hiện tượng hoàn toàn trái ngược với hôn trầm. Người ta vừa ngồi xuống, trong tâm ý niệm, vọng tưởng này tiếp nối vọng tưởng kia, có nhiều sức ép không đè nén được, gọi là “vọng tưởng toi bời”, gọi là “trạo cử”. Hai hiện tượng này hoàn toàn bất đồng, khi chúng ta dụng công, bất luận chúng ta tu hành pháp môn nào, hai thứ ấy đều là chướng ngại, nhưng gần như mỗi cá nhân đều gặp phải chướng ngại này. Vì thế, gặp phải tình hình ấy đừng sợ, đừng nghĩ “chính mình nghiệp chướng rất nặng, ta không thể niệm Phật được”. Nghĩ vậy là làm rồi! Nhất định là phải khắc phục; muốn khắc phục, phải chọn lựa phương pháp.

Chẳng hạn như, hễ hiện tượng hôn trầm nổi lên, chúng ta đừng ngồi nữa! Chúng ta nhiều Phật, vừa nhiều vừa niệm, hoặc chúng ta lễ Phật, lễ mấy chục lạy, lễ một hai trăm lạy, hôn trầm sẽ không còn nữa. Đổi phương thức, nhưng không thể đổi pháp môn. Chúng ta vẫn niệm Phật, một câu Phật hiệu cứ niệm tiếp. Khi ta ngồi niệm [mà bị hôn trầm], bèn đổi thành vừa đi kinh hành vừa niệm, đổi thành vừa lạy vừa niệm. Khi bị trạo cử thì ngược lại, chúng ta chọn cách tĩnh tọa niệm Phật. Thân, tâm, thế giới hết thấy đều buông xuống, nhất tâm

nhất ý nghe Phật hiệu, nhất tâm nhất ý quán Phật. Dùng phương pháp này để đối trị trạo cử. Đây là chuyện thường gặp nhất, bất luận tu học theo pháp môn nào. Hai thứ chướng ngại ấy đều là do tâm không thanh tịnh; trong tâm đã thanh tịnh, làm sao có những thứ ấy cho được?

“*Chư Cái, chư Thủ*”: Cái (蓋) là nói tỷ dụ, ngăn che trí huệ đức năng trong tự tánh của chúng ta. “*Cái*” có nghĩa là chướng, tức là chướng ngại, ngăn trở. Trong kinh thường nói có năm thứ, chẳng hạn như nói đến ngủ nghề. Trong năm thứ ấy, mỗi người hễ đi ngủ thì công phu sẽ gián đoạn, tức là bị ngăn trở rồi. Vì vậy, Ban Châu tam-muội, tức môn Ban Châu tam-muội mà tỷ-kheo Cát Tường Vân tu tập, chín mươi ngày không ngủ nhằm phá trừ chướng ngại ấy. Ai có thể trong suốt chín mươi ngày không ngủ thì công phu khá lắm, trong tâm phải thanh tịnh lắm mới làm được. Vì thế, ngủ nghề không phải là chuyện tốt. “*Tài, sắc, danh, thực, thùy*” gọi là Ngũ Dục, người thật sự có công phu đều có thể tách lìa năm thứ ấy. Nhưng đối với đại đa số mọi người, chúng ta tách lìa Tài vẫn không sao, Tài có thể bỏ được. Sắc là nam nữ sắc dục, cũng có thể gạt bỏ được, Danh cũng có thể bỏ được, ăn thì không được! Một ngày vẫn phải ăn ba bữa, ngoài ba bữa ra còn phải ăn điểm tâm, ngủ chẳng thể bỏ được! Nói cách khác, trong năm thứ chướng ngại ấy, quý vị chẳng bỏ được hai thứ, vậy là công phu của chính mình không trọn đủ. Khi công phu trọn đủ, sẽ làm được!

Người tu Định hiện thời như nhiều vị đồng tu đã biết, đầu thời Dân Quốc, lão hòa thượng Hư Vân công phu khá lắm. Qua Niên Phổ, chúng ta thấy Ngài thường nhập Định một, hai tuần lễ, thậm chí đến một hai tháng, ngồi bất động ngay nơi đó. Ngài nhập Định có phải là ngủ hay không? Không! Ngài chẳng ngủ. Ngủ nghề sẽ không thể duy trì nổi tư thế ấy. Hễ ngủ, sẽ gục xuống; đã gục xuống thì làm sao ngồi thẳng lưng được? Ngài không ngủ nghề. Ngài không có ngủ nghề, Ngài tỉnh táo, Ngài ở trong cảnh giới Định. Do vậy, khi Ngài nhập Định, quý vị thấy Ngài không ngủ nghề, Ngài cũng không cần ăn uống. Giả sử Ngài nhập Định một tháng thì khi Ngài xuất Định, tinh thần vẫn sung mãn, Ngài cũng không cảm thấy cả một tháng nay ta không ăn gì hết, phải ăn thôi! Không có! Tuyệt đối không có, nhưng khi Ngài xuất Định, thường cảm thấy thời gian nhập Định rất ngắn, “tôi mới ngồi chưa được bao lâu”, nhưng thật sự là đã qua rất nhiều ngày rồi!

Trong Niên Phổ có chép một mẫu chuyện nhỏ. Đại khái là trong dịp Tết, Ngài ở trong am tranh trên núi, lão hòa thượng luộc một nồi khoai. Sau khi đốt lửa lên, đang luộc khoai, luộc khoai đương nhiên là cần phải chờ đợi một lát, Ngài ngồi bên cạnh liền nhập định. Cũng chẳng biết là nhập định bao lâu, qua năm mới rồi, [những vị sư trụ trong ngôi] miếu ở gần đó nhận thấy đã lâu không thấy lão hòa thượng, chẳng biết Ngài ra sao, đến am tranh của Ngài tìm. Khi tới am tranh, họ thấy Ngài đang tĩnh tọa nơi đó. Lúc ấy, vị xuất gia đó bèn dùng dũa khảm gỗ bên tai Ngài để nhắc Ngài xuất định. Gỗ xong, Ngài liền xuất định. Trông thấy hai người bọn họ, Ngài nói: “Đến kịp lúc đấy, tôi đang luộc khoai, muốn mời các vị ăn khoai”. Kết quả là lúc mở nồi ra, khoai đã phủ mốc dày, trong nồi đều bị mốc hết rồi. Hơn hai mươi ngày, Ngài nói: “Tôi cảm thấy mới

ngồi mấy phút”. Điều này cho thấy ăn uống và ngủ nghỉ đều có thể lìa khỏi được!

Trong kinh Phật thường nói tới tới tam giới: Đối với Dục Giới thì trong Dục Giới có ăn uống, có nam nữ, ẩm thực, cõi trời Sắc Giới từ Sơ Thiên trở lên không có nữa, họ lấy Thiên Duyệt làm thức ăn. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, sẽ hiểu được lẽ dưỡng sinh. Hiện thời, những kẻ giàu có ở Đài Loan, có rất nhiều người ăn thực phẩm bổ dưỡng để tẩm bổ, mà đồ bổ đó là gì? Toàn chứa chất độc gây bệnh, chẳng phải là thứ tốt lành, bồi bổ cho những chứng bệnh kỳ quái phát sanh. Phật pháp từng dạy chúng ta thứ gì bổ dưỡng tốt nhất cho thân thể? Tâm thanh tịnh! Trong tâm quý vị không một tạp niệm nào nảy sanh, sẽ khỏe mạnh nhất, bổ dưỡng nhất. Vì sao người trong cõi trời Sắc Giới chẳng cần phải ăn? Vì tâm họ thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh ra hoan hỷ. Đây là từ, bi, hỷ, xả, pháp hỷ sung mãn. Do đây có thể biết được rằng: Hết thấy những thứ ngăn lấp cũng là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sanh ra, chứ không phải là vốn có, chẳng phải là thật, cho nên có thể tách lìa được.

“Thủ” (取) lại càng hư vọng hơn, Thủ chính là “thủ xả” (lấy, bỏ). Có thể nói là kinh Bát Nhã, tức bộ Bát Nhã gồm sáu trăm quyển có thể quy nạp tới mức cuối cùng thành một câu “bất khả đắc” (chẳng thể được). Hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng thể được. Kinh Kim Cang nói rất rõ ràng: “Tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được”. Tâm ấy có công năng giữ lấy, nhưng cái tâm có khả năng lưu giữ ấy thì lại không thể được, cái bị giữ lấy chính là các pháp. Đức Phật nói càng rõ hơn: “Các pháp do duyên sanh, bản thể của chúng đều là Không, trọn chẳng thể được”. Năng Thủ, Sở Thủ đều không thể được. Quý vị giữ lấy những gì? Quý vị hiểu được đạo lý này, sẽ thật sự buông xuống được. Được - mất, lấy - bỏ đều buông xuống hết, tâm quý vị sẽ được tự tại.

“Chư tam-muội chướng”: “Chư” là nhiều, quá xá nhiều! Tam-muội là gì? Tam-muội là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Chánh Thọ, tức sự hưởng thụ đúng đắn. Nói cách khác, quý vị hưởng thụ sai quấy, sẽ trở thành chướng ngại. Hưởng thụ vật chất, hưởng thụ tinh thần vô lượng, vô biên. Trong kinh Bát Nhã có nói mấy trăm thứ tam-muội, nói rất cặn kẽ. Đây là nói chi tiết, chứ trong sự cảm nhận của chúng ta trong cuộc sống thường ngày, sự cảm nhận trong công việc, sự cảm nhận trong khi ứng xử, tiếp người, đãi vật, hễ [cảm nhận] không đúng đắn, sẽ đều trở thành chướng ngại. Ở đây là nói tổng quát: Hôn trầm, trạo cử, Ngũ Cái, các Thủ, tam-muội. Nói chung, những thứ chướng ngại ấy “thầy đều chẳng sanh”. Tâm quý vị thanh tịnh, cho nên hoàn toàn không có chướng ngại. “Cố vân thanh tịnh” (Cho nên gọi là thanh tịnh). Đây là cảnh giới chứng đắc bởi bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo.

(Sớ) Tâm tạo chân cảnh, cố danh vi Hạnh, tức nhất hạnh dã.

(疏)心造真境·故名為行。即一行也。

(Sớ: Tâm tạo ra cảnh thật, nên gọi là Hạnh, tức là Nhất Hạnh vậy).

Đây là một câu giảng về từ ngữ “*cụ thanh tịnh hạnh*” (đầy đủ hạnh thanh tịnh). Hạnh ấy là gì? “*Tâm tạo chân cảnh*”. Chữ “*tạo*” này có nghĩa là xuất hiện, hoặc hiển hiện. Trong cái tâm thanh tịnh, hiển hiện cảnh giới, bất luận là thánh hay phàm, chỉ là thanh tịnh giống hệt như nhau. Mười pháp giới, không một pháp giới nào chẳng phải là Phật pháp giới, pháp nào cũng đều là Phật, đầy gọi là Hạnh. Hạnh là hành động, Hạnh là tác dụng, Nhất Hạnh. Nhất Hạnh là gì? “*Nhất*” chẳng phải là con số, nếu quý vị hiểu nó là con số thì quý vị đã làm mất rồi! Giống như trong phẩm Phổ Môn nói ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, trong kinh ấy là “ba mươi hai”, vì sao [ở đây] lại là một? Quý vị phải hiểu “*ba mươi hai chính là một, một chính là ba mươi hai, một tức là nhiều, nhiều tức là một*”. Nhiều là vì ứng theo căn cơ, chúng sanh có cảm, Ngài liền ứng, ứng theo căn cơ mà! “*Nhất*” là bất động, như như bất động thì Ngài mới có thể ứng hết thảy căn cơ. Tuy ứng hết thảy các căn cơ, Ngài vẫn tịch diệt bất động. Vì thế, đối với chính Ngài thì nói là Nhất Hạnh; dựa theo mặt ứng cơ để nói, thì là vô lượng vô biên hạnh. Đây chính là “*một và nhiều chẳng hai*”, là cảnh giới “*Năng lẫn Sở đều mất*”, đó gọi là Nhất Hạnh. Nhưng chẳng nhập cảnh giới ấy, chắc chắn sẽ chẳng có Nhất Hạnh! Bồ Tát chứng đắc cảnh giới này; Thiện Tài đồng tử đến tham học, Ngài bèn đem điều chính mình đã tu, đã chứng để dạy cho Thiện Tài. Dạy gì vậy? Niệm Phật, [tức là dạy về] cảnh giới của người niệm Phật, Niệm Phật thù thắng. Đoạn tiếp theo:

(Sớ) Biện kỳ thắng dụng.

(疏)辨其勝用。

(Sớ: Biện định tác dụng thù thắng).

Ngài cho biết đặc pháp ấy có những công dụng gì. Xin hãy đọc kinh văn.

(Kinh) Huệ nhãn biến quán nhất thiết cảnh giới, thiện xảo phương tiện, ly nhất thiết chướng.

(經)慧眼遍觀一切境界。善巧方便，離一切障。

(Kinh: Huệ nhãn quán khắp hết thảy cảnh giới, phương tiện hay khéo, li hết thảy chướng).

Đây là đoạn thứ hai, “*biện kỳ thắng dụng*”. Đoạn kinh văn này rất dài, nhưng dễ hiểu, chẳng giống như đoạn trước. Đoạn kinh văn trong phần trước rất ngắn, ý nghĩa rất sâu, chẳng dễ hiểu, chỗ này dễ hiểu. Chúng ta hãy đọc lời chú giải:

(Sớ) Đệ nhị, huệ nhãn biến quán hạ, biện kỳ thắng dụng.

(疏)第二慧眼遍觀下，辨其勝用。

(Sớ: Thứ hai, từ chữ “*huệ nhãn biến quán*” trở đi là biện định về tác dụng thù thắng).

Đây là biện định về tác dụng lớn lao thù thắng.

(Sớ) Tiền minh tức Dụng chi Thể, Nhất Hạnh tam-muội.

(疏)前明即用之體，一行三昧。

(Sớ: Những điều được nói trong phần trước chính là bản thể của Dụng, tức là Nhất Hạnh tam-muội)

Những điều được nói trong phần kinh văn bên trên chính là “bản thể của Dụng”. Nếu dựa theo Thể để nói thì Thể là Nhất Hạnh tam-muội. Còn đoạn này là giảng về:

(Sớ) Kim minh tức Thể chi Dụng.

(疏)今明即體之用。

(Sớ: Nay phần được nói ở đây là luận về tác dụng của Thể).

Phần trước là nói về bản thể của Dụng, khác hẳn! Còn hiện thời là luận về tác dụng của Thể.

(Sớ) Dụng vô bất cùng.

(疏)用無不窮。

(Sớ: Dụng thì không gì chẳng cùng tột).

Tức là “Thể của Dụng là Nhất Hạnh tam-muội”. Từ Thể khởi Dụng, Dụng ấy rộng lớn vô biên, Dụng không có cùng tột.

(Sớ) Lược hữu nhị dụng.

(疏)略有二用。

(Sớ: Nói đại lược thì có hai loại Dụng).

Tác dụng ấy rất nhiều, vô lượng vô biên, chẳng thể nói trọn! Do vậy, đức Phật vận dụng cách nói quy nạp những công dụng ấy thành hai loại lớn.

(Sớ) Nhất giả nội dụng, nhị giả ngoại dụng.

(疏)一者內用。二者外用。

(Sớ: Một là nội dụng, hai là ngoại dụng).

Trước hết nói đến Nội Dụng. Tiêu đoạn chúng ta mới vừa đọc chính là Nội Dụng.

(Sớ) Kim sơ, nhị cú nhị hữu tam dụng.

(疏)今初。二句而有三用。

(Sớ: Nay, điều thứ nhất là trong hai câu [đầu tiên], có đến ba công dụng).

Đây chính là Nội Dụng.

(Sớ) Huệ nhãn biến quán nhất thiết cảnh giới, thị phổ nhãn dụng.

(疏)慧眼遍觀一切境界，是普眼用。

(Sớ: Huệ nhãn quán trọn khắp hết thấy cảnh giới là công dụng của Phổ Nhãn)

Trong phần trên đã nói Phổ Nhãn khởi tác dụng quán trọn khắp hết thấy cảnh giới. Muốn thấy cảnh giới nào, cảnh giới ấy liền hiện tiền; chẳng muốn thấy, cảnh giới ấy sẽ không còn nữa. Đây là tác dụng thuộc về chính mình, tức là Tự Thọ Dụng.

(Sớ) Thiện xảo phương tiện thị trí quang chiếu diệu dụng.

(疏)善巧方便，是智光照曜用。

(Sớ: Phương tiện hay khéo là tác dụng trí quang chiếu rạng)

Bốn chữ “thiện xảo phương tiện” thường xuất hiện trong kinh luận. Ý nghĩa có sâu, cạn, rộng, hẹp khác nhau. Đối với người mới học như chúng ta mà nói, dùng cách nói gần gũi, rõ ràng nhất, “thiện” là hợp với pháp tắc, phù hợp chừng mực, hợp quy củ, đây là Thiện. Xảo là gì? Xảo là xảo diệu (hay khéo), thuận theo lòng muốn là xảo đấy! Trong Luận Ngữ, Khổng lão phu từ năm bảy mươi tuổi, đã nói: “Tùy tâm sở dục, nhi bất du củ” (Thuận theo lòng mong muốn, nhưng chẳng trái vượt quy củ), đây chính là thiện xảo! “Tùy tâm sở dục” là Xảo, “bất du củ” là chẳng vượt khỏi quy củ, rất hợp quy củ, rất hợp với lễ pháp, đây chính là Thiện. Vì thế, phương tiện phải đạt đến thiện xảo, đây chính là trí huệ cao độ, nay chúng ta gọi là “nghệ thuật cao độ”, vừa khéo léo, lại vừa hợp quy củ. Xảo mà chẳng hợp quy củ là không được. Rất giữ quy củ, giữ khư khư quy củ, chẳng khéo léo thì cũng chẳng tốt đẹp! Nhưng nói thật ra, trong hai thứ ấy, nếu Xảo mà chẳng Thiện thì chẳng thà Thiện mà không Xảo. Vì sao vậy? Thiện thì ai nấy đều giữ pháp tắc, xã hội sẽ có trật tự. Do vậy, trong hai chữ này, Thiện là trọng yếu, cho nên đặt Thiện ra trước, tức Thiện Xảo, chứ không nói Xảo Thiện. Phương tiện phải lấy thiện xảo làm tiêu chuẩn. Đây chính là “tác dụng của trí quang chiếu rạng”. Có thể thấy rằng, trí quang chính là trí huệ cao độ, là nghệ thuật cao độ.

(Sớ) Ly nhất thiết chướng thị thanh tịnh hạnh dụng.

(疏)離一切障，是清淨行用。

(Sớ: Là hết thấy chướng là tác dụng của hạnh thanh tịnh).

Ý nghĩa này rất dễ hiểu, trong phần trước tôi đã nói cặn kẽ rồi. Tất cả hết thảy nghiệp chướng đều lia hết, cho nên không sợ nghiệp chướng. Đừng nói là nghiệp chướng đã tạo trong một đời này, tạo rất nhiều tội nghiệp, tội nghiệp chất chứa trong vô lượng kiếp quá khứ. Trong kinh, đức Phật thường nói: *“Nếu như tội nghiệp ấy có hình tướng, dầu cho hình tướng ấy nhỏ như hình tướng của vi trần, khắp cả hư không cũng không thể chứa được hết tội nghiệp do chúng ta đã tạo trong vô lượng kiếp!”* Lời này là thật đấy, chẳng phải là giả, đức Phật chẳng nói dối! Điều may mắn là những tội nghiệp đã tạo ấy không có dấu tích, không có hình tướng. Tuy đã tạo rất sâu, rất rộng, nhưng phá trừ lại trọn chẳng khó khăn. Đức Phật nêu lên một tỷ dụ, ví như nhà tối ngàn năm: Chúng ta vào trong một cái động hoang trên núi, mấy ngàn năm luôn tối om om, là chỗ tối tăm trước nay chưa hề có ánh đèn chiếu sáng. Đây là tỷ dụ cho tội nghiệp đã tạo của một người vừa sâu vừa rộng, thời gian tích lũy rất dài, nhưng một ngọn đèn liền xóa tan! Quý vị thắp một ngọn đèn trong căn nhà tối, nhà không còn tối nữa. Ngọn đèn ấy do tự tánh trí huệ mà có, nghiệp chướng liền tiêu!

Thế nhưng, quý vị phải hiểu rằng: Để khởi lên tự tánh trí huệ, nhất định là phải có tâm thanh tịnh. Kinh Kim Cang dạy: *“Tin tâm thanh tịnh thì sanh Thật Tướng”*. Thật Tướng là do tự tánh Bát Nhã tỏ lộ ra. Tâm quý vị không thanh tịnh là không được, nghiệp chướng của quý vị chẳng thể tiêu được! Tiêu nghiệp chướng không có cách nào khác cả, phải tu cái tâm thanh tịnh! Niệm Phật là trực tiếp tu cái tâm thanh tịnh, dùng một câu Phật hiệu để trừ sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta. Trong mười hai thời, niệm tại đâu, nghĩ tại đó. Chỉ cần chế ngự được nghiệp chướng ấy không cho nó khởi tác dụng, chỉ có một câu Phật hiệu này khởi tác dụng, có như vậy thì mới hòng đối nghiệp vãng sanh. Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy A Di Đà Phật, được Phật lực gia trì, công đức, trí huệ trong tự tánh của chúng ta sẽ hiện tiền, nghiệp chướng hoàn toàn tiêu trừ. Đấy chính là chỗ chẳng thể nghĩ bàn của pháp môn Tịnh Tông. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm đề cao pháp môn Niệm Phật; Cát Tường Vân là vị [thiện tri thức] thứ nhất dạy chúng ta Ban Châu tam-muội.

Đoạn văn dài dưới đây là đoạn kinh văn nói về Ngoại Dụng. Trong phần Ngoại Dụng có ba đoạn. Quý vị hãy mở phần chú giải, trong chú giải có đoạn nói:

(Sớ) Nhị, dĩ thanh tịnh thân hạ, minh kỳ ngoại dụng. Thắng giải ấn trì, tùy tâm khứ trụ.

(疏)二以清淨身下，明其外用。勝解印持，隨心去住。

(Sớ) Thứ hai, từ “dùng thân thanh tịnh” trở đi là nói về ngoại dụng. Thắng giải ấn trì, tùy tâm mà đi hay trụ.

Đây là nói tổng quát, trong phần này chia thành ba đoạn. Đoạn thứ nhất:

(Sớ) Minh bất động nhi vãng. Nhị dĩ tín giải lực hạ, bất niệm nhi trì. Tam dĩ trí huệ nhãn hạ.

(疏)明不動而往。二以信解力下，不念而持。三以智慧眼下。

(Sớ) Nói rõ tuy bất động nhưng có đi qua. Hai là từ chữ “tín giải lực” trở đi, tuy không niệm nhưng trì. Ba là từ “trí huệ nhãn” trở đi)

Đây là phần kinh văn [được chú giải gọi là]:

(Sớ) Bất vãng nhi kiến.

(疏)不往而見。

(Sớ: Không đi qua đó mà thấy).

À! Nay chúng ta xem kinh, phần kinh văn này tuy dài, nhưng dễ hiểu!

(Kinh) Dĩ thanh tịnh thân phổ nghê thập phương nhất thiết quốc độ, cung kính cúng dường nhất thiết chư Phật.

(經)以清淨身普詣十方一切國土，恭敬供養一切諸佛。

(Kinh: Dùng thân thanh tịnh đến khắp hết thấy các cõi nước trong mười phương, cung kính cúng dường hết thấy chư Phật).

Đây là đoạn thứ nhất trong phần Ngoại Dụng. “*Bất động nhi vãng*” (Bất động nhưng đi qua đó). Nếu giảng ý nghĩa này ở những nơi khác sẽ khó khăn hơn, nhưng nay chúng tôi giảng tại đạo tràng này, tôi nghĩ rất dễ dàng, vì sao vậy? Mọi người đều niệm A Di Đà Phật, đều niệm Vô Lượng Thọ Kinh, niệm A Di Đà Kinh. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới mỗi ngày đến mười phương thế giới cúng dường mười vạn ức Phật, họ đi bằng cách nào? “*Bất động nhi khứ*” (không động mà đến). Mười vạn ức! Nếu đến thăm viếng từng vị một, sẽ chẳng đủ thời gian! Làm sao thăm viếng mười vạn ức Phật cho được? Hóa thân, đi cùng một lúc! Cùng một lúc cúng dường hết thấy chư Phật, nghe hết thấy chư Phật thuyết pháp, sau đấy trở về, cái thân này bất động mà đi qua đó, bởi lẽ, thân thanh tịnh. Người trong thế giới Tây Phương có năng lực ấy. Nếu quý vị hỏi đến trình độ nào thì mới có năng lực ấy ư? Chỉ cần vãng sanh, sẽ có được năng lực ấy. Dầu vãng sanh Hạ Hạ phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư độ, cũng trọn đủ năng lực như vậy.

Ở đây, chúng ta thấy không phải chỉ là mười vạn ức cõi Phật, người dịch kinh dịch thành “*mười vạn ức cõi Phật*” là có dụng ý đặc biệt, dụng ý ở chỗ nào? Thế giới Cực Lạc cách thế giới Sa Bà mười vạn ức cõi Phật! Dụng ý là quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn trở về thăm [Sa Bà], sẽ rất dễ dàng,

dụng ý là ở chỗ này. Thật ra, năng lực không phải chỉ có vậy, mà là tận hư không, trọn pháp giới, vô lượng vô biên các cõi Phật đều có thể đồng thời hóa thân đến cúng Phật, nghe pháp, độ sanh. Chính người ấy không hề lìa khỏi A Di Đà Phật, vẫn ngồi nghe kinh trong pháp hội của A Di Đà Phật, nhưng hóa thân của người ấy đến khắp mười phương thế giới để cúng Phật, nghe pháp, độ sanh. Ngoại Dụng có năng lực ấy. Từ điều này, ta có thể thấy được rằng bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo có năng lực ấy. Lại xem tiếp câu dưới đó.

(Kinh) Dĩ tín giải lực thường niệm thập phương nhất thiết chư Phật, dĩ tổng trì lực thọ trì thập phương nhất thiết Phật pháp.

(經)以信解力常念十方一切諸佛，以總持力受持十方一切佛法。

(Kinh: Dùng sức tín giải thường niệm hết thấy chư Phật trong mười phương, dùng sức tổng trì để thọ trì hết thấy Phật pháp trong mười phương).

Hai câu này thuộc đoạn thứ hai. Đoạn thứ hai là “*chẳng niệm mà trì*”. Đây gọi là “*niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm*”. Ngài dùng gì để niệm? Dùng sức tín giải, tin tưởng sâu đậm không nghi, thấu hiểu triệt để. Trong tâm thường có hết thấy chư Phật, đây chính là niệm Phật. Hết thấy cảnh giới không gì chẳng phải là cảnh giới Phật, đây là niệm Phật. Tuy chúng ta chưa nhập cảnh giới ấy, nhưng nếu có thể thường quán như vậy, sẽ có ích rất lớn cho chúng ta. Kiểu niệm Phật này gọi là “*Lý niệm*”. Niệm Phật có Sự niệm và Lý niệm, cho nên có Sự nhất tâm và Lý nhất tâm.

Câu tiếp theo: “*Dĩ tổng trì lực thọ trì thập phương nhất thiết Phật pháp*” (Dùng sức tổng trì để thọ trì hết thấy Phật pháp trong mười phương). “*Tổng trì*” là cương yếu, cương lĩnh. Nắm được tổng cương lĩnh thì tất cả hết thấy pháp đều nằm trong ấy; đây gọi là “*tổng trì lực*”. Kinh Hoa Nghiêm là tổng trì của hết thấy kinh, cổ nhân dạy chúng ta, kinh Hoa Nghiêm giống như vua của các kinh, xưng tụng [kinh Hoa Nghiêm] là căn bản pháp luân, dùng một cái cây để sánh ví. Kinh Hoa Nghiêm là gì? Kinh Hoa Nghiêm là rễ, là gốc, gốc là thân cây chánh; còn hết thấy các kinh do đức Phật đã nói trong suốt bốn mươi chín năm chính là cành, nhánh, lá, hoa, quả của cái cây ấy, đều chẳng tách rời căn bản. Nếu tách lìa căn bản, cái gì cũng chẳng có! Do vậy, cổ đại đức nói: Nếu quý vị thông đạt Hoa Nghiêm thì tất cả hết thấy Tông môn, Giáo Hạ sẽ đều thông đạt toàn bộ, căn bản pháp luân mà! Hết thấy các kinh chính là quyền thuộc của Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm là chủ nhân!

Nhưng Hoa Nghiêm quá lớn, chúng tôi giảng một lần cũng chẳng thể xong trong một thời gian ngắn, có tổng trì lực nào tốt hơn hay chẳng? Có chứ! Vô Lượng Thọ Kinh đây! So với Hoa Nghiêm, Vô Lượng Thọ Kinh ngắn hơn rất nhiều, nhưng những nghĩa lý trong Vô Lượng Thọ Kinh hoàn toàn là Hoa Nghiêm. Nói cách khác, bản rút gọn của kinh Hoa Nghiêm, tinh hoa của Hoa Nghiêm chính là Vô Lượng Thọ Kinh. Chúng ta có thể nói Hoa Nghiêm Kinh là chú giải của Vô Lượng Thọ Kinh. Vì thế, quý vị thông hiểu kinh Hoa Nghiêm

thì mới giảng Vô Lượng Thọ Kinh thật hay được, mới giảng có ý vị được. Nếu quý vị không thông hiểu Hoa Nghiêm, tuyệt đối chẳng thể giảng Vô Lượng Thọ Kinh viên mãn. Nói chung là sẽ bị thiếu sót.

Cổ nhân từng “*giảo lượng*”, tức là so sánh, đến cuối cùng tìm ra được tổng cương lĩnh [của kinh Hoa Nghiêm] thì thấy nó chính là nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện của Vô Lượng Thọ Kinh! Nguyện thứ mười tám là gì? “*Mười niệm ắt sanh*”, quy kết thành một câu Phật hiệu, Nam Mô A Di Đà Phật. Vì vậy, sáu chữ “*Nam-mô A Di Đà Phật*” chính là sức tổng trì, vô lượng vô biên pháp môn được giảng bởi mười phương tam thế hết thảy chư Phật đều chẳng vượt thoát phạm vi của danh hiệu này. Danh hiệu này có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, tỳ-kheo Cát Tường Vân niệm A Di Đà Phật, phương pháp Niệm Phật của Ngài là vừa niệm vừa nhiễu Phật. Ban Châu tam-muội là đứng chứ không ngồi, cho nên [tỳ-kheo Cát Tường Vân nói riêng và hành nhân tu môn tam-muội này nói chung] đứng hay đi, chứ không ngồi xuống. Đây chính là “*chẳng niệm mà trì*”, trì hết thảy pháp, chẳng phải là một pháp. Tiếp theo là ý nghĩa thứ ba “*bất vãng nhi kiến*” (không qua tới đó mà thấy).

(Kinh) Dĩ trí huệ nhãn, thường kiến thập phương nhất thiết chư Phật.

(經)以智慧眼常見十方一切諸佛。

(Kinh: Dùng mắt trí huệ, thường thấy mười phương hết thảy chư Phật).

“*Thường kiến*” là thường xuyên thấy, chẳng phải là ngẫu nhiên thấy, thường thấy mười phương hết thảy chư Phật. Vì sao vị ấy có thể thấy được? Do có trí huệ nhãn. Do đoạn kinh văn này dài, nên chia thành ba tiểu đoạn, câu này là nói tổng quát: Vị ấy thấy hết thảy chư Phật. Sau đây là những điều được nói riêng biệt, vị ấy thấy hết thảy chư Phật, thấy những vị Phật nào? Chúng ta xem kinh văn.

(Kinh) Sở vị, kiến ư Đông phương nhất Phật.

(經)所謂見於東方一佛。

(Kinh: Chẳng hạn như thấy một vị Phật ở phương Đông).

Đây là nêu ra một thí dụ. Trong mười phương, nêu ra một phương, thấy một vị Phật ở phương Đông.

(Kinh) Nhị Phật, thập Phật, bách Phật, thiên Phật, bách thiên Phật, ức Phật, bách ức Phật, thiên ức Phật, bách thiên ức Phật, na-do-tha ức Phật, bách na-do-tha-ức Phật, thiên na-do-tha ức Phật, bách thiên na-do-tha ức Phật, nãi chí kiến vô số, vô lượng, vô biên, vô đẳng, bất khả số, bất khả xưng, bất khả tư, bất khả lượng, bất khả thuyết, bất khả thuyết bất khả thuyết Phật.

(經)二佛，十佛，百佛，千佛，百千佛，億佛，百億佛，千億佛，百千億佛，那由他億佛，百那由他億佛，千那由他億佛，百千那由他億佛，乃至見無數無量無邊無等不可數不可稱不可思不可量不可說不可說不可說佛。

(Kinh: Hai Phật, mười Phật, trăm Phật, ngàn Phật, trăm ngàn Phật, ức Phật, trăm ức Phật, ngàn ức Phật, trăm ngàn ức Phật, na-do-tha ức Phật, trăm na-do-tha ức Phật, ngàn na-do-tha ức Phật, trăm ngàn na-do-tha ức Phật, cho đến thấy vô số, vô lượng, vô biên, vô đẳng, bất khả số, bất khả xưng, bất khả tư, bất khả lượng, bất khả thuyết, bất khả thuyết bất khả thuyết Phật).

Những con số này tôi không cần giải thích từng số một, những con số trong phần sau đoạn này là những con số thiên văn, quá lớn! Nếu quý vị muốn hiểu, hãy tra trong Phật Học Từ Điển, sẽ thấy những con số ấy đều có. Con số thiên văn quá sức là lớn, không có cách gì tính toán được! Đối với những vị Phật do vị ấy thấy, chúng ta thường nói là Ngài thấy “vô lượng vô biên chư Phật”. Đây là phương Đông. Xem phần tiếp theo.

(Kinh) Nãi chí kiến Diêm Phù Đề cực vi trần số Phật.

(經)乃至見閻浮提極微塵數佛。

(Kinh: Thậm chí thấy Phật nhiều như số lượng cực vi trần trong cõi Diêm Phù Đề).

Phạm vi Diêm Phù Đề nhỏ nhoi, nhỏ gần như một quả địa cầu của chúng ta. Trong Phật pháp gọi địa cầu là Diêm Phù Đề Châu, rất nhỏ! Trong hoàn cảnh nhỏ nhoi này, trông thấy chư Phật nhiều như số cực vi trần, [tức là] thấy chư Phật nhiều như số cực vi trần của cõi Diêm Phù Đề.

(Kinh) Tứ thiên hạ cực vi trần số Phật.

(經)四天下極微塵數佛。

(Kinh: Phật nhiều như số lượng của cực vi trần trong một tứ thiên hạ).

Diêm Phù Đề là một châu, bốn châu hợp thành một đơn vị thế giới, trong kinh Phật giảng: Một quả núi Tu Di, bốn phía có bốn đại châu, đây gọi là một đơn vị thế giới (tức là một “tứ thiên hạ”). “Phật nhiều như số lượng của cực vi trần trong tứ thiên hạ”.

(Kinh) Tiểu thiên thế giới cực vi trần số Phật.

(經) 小千世界極微塵數佛。

(Kinh: Phật nhiều như số lượng cực vi trần trong một tiểu thiên thế giới).

Đây là nói số lượng nhiều, không cách nào tính đếm được. Một ngàn đơn vị thế giới hợp lại thì gọi là một tiểu thiên thế giới, một ngàn tiểu thiên thế giới hợp lại gọi là một trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới hợp lại gọi là một đại thiên thế giới.

(Kinh) Tiểu thiên thế giới cực vi trần số Phật, trung thiên thế giới cực vi trần số Phật, đại thiên thế giới cực vi trần số Phật.

(經) 小千世界極微塵數佛，中千世界極微塵數佛，大千世界極微塵數佛。

(Kinh: Phật nhiều như số lượng cực vi trần trong một tiểu thiên thế giới, Phật nhiều như số lượng cực vi trần trong một trung thiên thế giới, Phật nhiều như số lượng cực vi trần trong một đại thiên thế giới).

Một đại thiên thế giới là khu vực giáo hóa của một đức Phật.

(Kinh) Thập Phật sát cực vi trần số Phật.

(經) 十佛刹極微塵數佛。

(Kinh: Phật nhiều như số lượng cực vi trần trong mười cõi Phật).

Một “Phật sát” là một đại thiên thế giới, mười Phật sát là mười đại thiên thế giới. Trăm Phật sát là một trăm đại thiên thế giới. Một ngàn Phật sát là một ngàn đại thiên thế giới, trăm ngàn Phật sát là trăm ngàn đại thiên thế giới.

(Kinh) Úc Phật sát, bách ức Phật sát, thiên ức Phật sát, bách thiên ức Phật sát cực vi trần số Phật, na-do-tha ức Phật sát cực vi trần số Phật, nãi chí kiến bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số Phật.

(經) 億佛刹、百億佛刹、千億佛刹，百千億佛刹極微塵數佛，那由他億佛刹極微塵數佛，乃至見不可說不可說佛刹極微塵數佛。

(Kinh: Phật nhiều như số lượng cực vi trần trong trăm cõi Phật, trăm ức cõi Phật, ngàn ức cõi Phật, trăm ngàn ức cõi Phật, na-do-tha ức cõi Phật, cho đến thấy bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số Phật).

Đoạn này nói vị ấy thấy rất nhiều Phật. Văn tự trong đoạn này nhằm hình dung tột bậc vị ấy thấy được Như Lai chẳng thể nghĩ bàn, chẳng có cách nào tính đếm được!

(Kinh) Như kiến Đông phương nhất thiết chư Phật, Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy, thượng, hạ sở kiến chư Phật diệc phục như thị.

(經)如見東方一切諸佛·南西北方四維上下所見諸佛亦復如是。

(Kinh: Như chư Phật thấy nơi phương Đông, thấy chư Phật trong phương Nam, Tây, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới cũng giống như thế).

Trong phương Đông đã nói chi tiết thì chín phương khác chẳng cần phải nói chi tiết, cứ dựa theo đó mà suy. Chúng ta biết rằng bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo có huệ nhãn và thiên nhãn chẳng thể nghĩ bàn như thế ấy. Như Lai có ngũ nhãn, Bồ Tát cũng có ngũ nhãn, nhưng ngũ nhãn của Bồ Tát không viên mãn như Như Lai. Vị Sơ Trụ Bồ Tát này có ngũ nhãn, ở đây, chúng ta thấy đã chẳng thể nghĩ bàn rồi, huống hồ quả địa Như Lai ư? Xem đoạn kinh văn tiếp theo:

(Kinh) Tùy kỳ sở kiến nhất nhất phương trung sở hữu chư Phật.

(經)隨其所見——方中所有諸佛。

(Kinh: Đối với tất cả chư Phật do vị ấy đã thấy trong mỗi phương).

Ở đây lại nói tỉ mỉ hơn, trong phần trên chỉ nói “*thấy chư Phật*”. Nay lại nói tới hình dạng của mỗi vị Phật, Ngài thấy tất cả chư Phật...

(Kinh) Chủng chủng sắc tướng.

(經)種種色相。

(Kinh: Các thứ sắc tướng).

Sắc tướng của Phật.

(Kinh) Chủng chủng hình mạo.

(經)種種形貌。

(Kinh: Các thứ hình mạo).

Chúng ta thường nói: “*Phật Phật đạo đồng*”. Tướng mạo chư Phật giống hết như nhau, làm sao có hai hình dạng cho được? [Ở đây, kinh chép]: Các thứ sắc tướng. Có! Có các thứ sắc tướng. “*Các thứ sắc tướng*” nên hiểu như thế nào? Phật ứng hóa trong mười pháp giới, giống như [sắc thân của] Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trong thế giới của chúng ta hiện thời được gọi là Liệt Ứng Thân, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ, thân cao trượng sáu. Trong kinh nói Tỳ Lô Giá Na Phật có vô lượng tướng, nơi mỗi tướng có vô lượng hảo, thân tướng ấy to lớn. Trong bài kệ Tán Phật có câu: “*Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,*

cám mục tròng thanh tứ đại hải” thì làm sao ứng thân này sánh bằng được? Do vậy, bèn có các thứ sắc tướng, các thứ hình mạo. Nói thật ra, từ Năng Hiện thì thấy là một, từ Sở Hiện thì thấy khác nhau. Sở Hiện nhằm ứng theo căn cơ của chúng sanh, cho nên Phật hiện ra sắc tướng, hình mạo khác nhau.

(Kinh) Chủng chủng thần thông, chủng chủng thọ dụng, chủng chủng du hý.

(經)種種神通，種種受用，種種遊戲。

(Kinh: Các thứ thần thông, các thứ thọ dụng, các thứ vui chơi).

Phật giáo hóa chúng sanh là du hý, du hý thần thông! [Dùng từ ngữ] “*du hý*” ngụ ý không coi đó là thật, chẳng giống như chúng ta chuyện gì cũng rất chấp trước, đều coi là thật. Phật, Bồ Tát không coi là thật như thế, đều là vui chơi, đều là diễn tuồng. Vì thế, các Ngài rất tự tại, không có được, mất, không âu lo, cũng không vướng mắc, các Ngài đang diễn tuồng mà!

(Kinh) Chủng chủng hội tràng nghiêm đạo tràng.

(經)種種眾會莊嚴道場。

(Kinh: Các thứ pháp hội đạo tràng trang nghiêm).

Chữ “*chủng hội*” chỉ các hoạt động cùng đại chúng giảng kinh, thuyết pháp, trong ấy đương nhiên cũng có người hướng dẫn đại chúng tu hành, phương thức rất ư là nhiều. Do các ngài tùy loại hiện thân, không đâu chẳng hiện thân, hiện ra những thân phận khác nhau, nghề nghiệp khác nhau, công việc khác nhau, chủng hội đạo tràng của các ngài khác nhau. Cuộc sống của họ chính là đạo tràng của họ, công tác của họ cũng là đạo tràng của họ. Họ xử thế, đãi người, tiếp vật cũng là đạo tràng của họ. Trang nghiêm là thực hiện mỹ mãn, tức là thiện xảo phương tiện như đã nói trong phần trước. Đây là trang nghiêm.

(Kinh) Chủng chủng quang minh vô biên chiếu diệu.

(經)種種光明無邊照耀。

(Kinh: Các thứ quang minh chiếu sáng ngời vô biên).

Câu này nói tới trí huệ cao độ. Trong cuộc sống, trong công việc, trong đối xử với mọi người, đối sự, tiếp vật, đều biểu hiện nghệ thuật trí huệ cao độ.

(Kinh) Chủng chủng cung điện trang nghiêm quốc giới.

(經)種種宮殿莊嚴國界。

(Kinh: Các thứ cung điện trang nghiêm quốc giới).

Đây là nói về y báo, tức hoàn cảnh sống của các Ngài.

(Kinh) *Chủng chủng thọ lượng thị hữu tu đoản.*

(經)種種壽量示有修短。

(Kinh: *Các thứ thọ lượng, thị hiện có dài, có ngắn.*)

Đây là chánh báo. “Tu” là trường (dài), [“tu đoản”] là dài ngắn. Thọ mạng dài hay ngắn đều khác nhau. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta: Khi Thế Gian Tự Tại Vương Phật thị hiện thì thọ mạng của Ngài là bốn mươi hai kiếp, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trong thế gian này của chúng ta với thọ mạng tám mươi tuổi; dài, ngắn khác nhau, đều là thị hiện.

(Kinh) *Tùy chư chúng sanh chủng chủng tâm nhạo.*

(經)隨諸眾生種種心樂。

(Kinh: *Thuận theo các thứ ưa thích của chúng sanh.*)

Đây là nói rõ về các thứ thị hiện nhằm hàng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Kinh Lăng Nghiêm bảo là “*tùy tâm chúng sanh, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm của chúng sanh để thích ứng với khả năng nhận biết của họ).

(Kinh) *Thị hiện chủng chủng thành Chánh Giác môn.*

(經)示現種種成正覺門。

(Kinh: *Thị hiện các môn thành Chánh Giác.*)

Giống như một thí dụ đã được nêu trong kinh Vô Lượng Thọ, “*tám tướng thành đạo*”. Đây là nêu một thí dụ trong các thứ thị hiện.

(Kinh) *Ư đại chúng trung, quảng hiện thân biến, tác sư tử hồng, độ thoát chúng sanh.*

(經)於大眾中，廣現神變，作師子吼，度脫眾生。

(Kinh: *Trong đại chúng hiện rộng rãi các thân biến, hiện tướng sư tử rống, nhằm độ thoát chúng sanh.*)

Câu cuối trong đoạn này là lời tổng kết. Đức Phật bất luận thị hiện thân phận nào, nam, nữ, già, trẻ, các ngành, các nghề, mục đích thị hiện chỉ là một, “*hiện tướng sư tử rống nhằm độ thoát chúng sanh*”, nhằm lý do ấy. Biểu hiện trong cuộc sống, trong việc làm, trong ứng xử, đều nhằm giúp cho người khác giác ngộ, giúp cho chúng sanh phá mê, khai ngộ, lìa khổ, được vui, nhằm mục tiêu ấy. Vì thế, tuy đoạn kinh văn này rất dài, nhưng rất dễ hiểu, hoàn toàn là một thứ so sánh. Hôm nay thời gian đã hết, chúng tôi giảng đến đây.

Ngày mai tôi có việc phải sang Tân Gia Ba và Mã Lai một chuyến, bên Mã Lai xây dựng Di Đà Thôn, họ xây dựng, muốn tôi đến xem. Tân Gia Ba Tịnh

Tông Học Hội mới mua được một đạo tràng, tôi sang mở lớp bồi huấn (bồi dưỡng, huấn luyện) lần thứ nhất, tìm hiểu xem nên làm như thế nào? Mồng Mười tôi trở về, mấy bữa giảng kinh đều theo lệ thường, mong các vị đồng tu đều đến, do pháp sư Ngô Hữu giảng tại đây. Không cần biết giảng gì, mọi người đều đến nghe, kinh dạy Văn Huân rất quan trọng! Quý vị nghe càng nhiều, nghe càng lâu, sẽ phát khởi thiện căn, không nhất định lúc nào, không nhất định do ai giảng, không nhất định giảng điều gì, hễ thiện căn của quý vị được động đến, phát khởi, quý vị sẽ hoát nhiên đại ngộ. Nếu quý vị không đến nghe, sẽ không có cơ hội ấy; đến nghe giống như rút thăm lãnh thưởng vậy. Rất có khả năng trúng thưởng! Quý vị không đến, quý vị không rút thăm, vĩnh viễn không có cơ hội trúng thưởng. Vì thế, có cơ hội nghe kinh, phải tận hết sức để tới nghe. A! Cảm ơn mọi người!

Tập thứ sáu (12-13-06)

Xin mở quyển kinh, trang thứ mười sáu, hàng thứ hai từ dưới lên, xin đọc kinh văn:

(Kinh) Thiện nam tử! Ngã duy đắc thử Úc Niệm Chư Phật Bình Đẳng Cảnh Giới Vô Ngại Trí Huệ Phổ Kiến pháp môn.

(經)善男子，我唯得此憶念一切諸佛平等境界無礙智慧普見法門。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Ta chỉ đạt được pháp môn Úc Niệm Chư Phật Bình Đẳng Cảnh Giới Vô Ngại Trí Huệ Phổ Kiến này).

Trong câu thứ nhất này, tỳ-kheo Cát Tường Vân nói cho Thiện Tài đồng tử biết pháp môn do chính Ngài tu hành chứng quả, nêu danh xưng của pháp môn này. Ý nghĩa bao hàm trong ấy rất sâu. Trong tiết này, đại sư Thanh Lương cũng chú giải cho chúng ta không ít, chúng ta hãy xem lời chú giải của Ngài. Đây là khoa mục lớn thứ tư. Trong mỗi đoạn kinh văn chép về một lần tham học, nói chung, được chia thành sáu đoạn, trong phần trước tôi đã trình bày với quý vị rồi. Đây là đoạn thứ tư. Tiêu đề mục của đoạn thứ tư là:

(Sớ) Khiêm kỹ thù thắng.

(疏)謙己推勝。

(Sớ: Tự mình khiêm hư, đề cao người khác thù thắng hơn ta).

Đối với chính mình thì khiêm hư, đề cao người khác. “Thắng” là thù thắng. Chẳng những thù thắng, mà còn cao siêu hơn ta rất nhiều, tức là tự khiêm, tôn xưng người khác. Trong phần này, có hai đoạn. Đoạn thứ nhất là tự khiêm, đoạn thứ hai là đề cao người khác. Đây là đoạn thứ nhất trong hai tiêu đề này.

(Sớ) Tiên, khiêm kỹ, tri nhất.

(疏)先謙己知一。

(Sớ: Trước hết, tự khiêm, [bảo Thiệu Tài ta] chỉ biết một pháp).

[Ngài Cát Tường Vân] khiêm hư nói: Trong vô lượng pháp môn, ta chỉ biết một môn, ý nghĩa rất sâu xa! Năm mươi ba lần tham học, năm mươi ba vị thiện tri thức đều cùng hành xử theo kiểu này. Điều này nhằm bảo ban chúng ta: Chúng ta tu học muốn thành tựu, muốn khai ngộ, muốn chứng quả, thậm chí chúng ta niệm Phật muốn được vãng sanh, thật sự muốn đạt đến mục đích ấy, quý vị phải biết thâm nhập một môn thì mới có thể đạt đến mục tiêu ấy. Nếu quý vị học nhiều pháp môn, chỉ có thể nói là quý vị học những kiến thức Phật học thông thường, trong thế gian này có thể khoe khoang là bậc học rộng nghe nhiều. Xét về địa vị trong thế gian, quý vị có thể giành được nhiều học vị tiến sĩ, nhưng chẳng liên can gì tới liễu sanh tử, thoát tam giới cả! Nói cách khác, quý vị vẫn phải tiếp tục sanh tử luân hồi! Điều này nhằm chỉ rõ, nhắc nhở chúng ta: Muốn thành tựu thì chỉ có một phương pháp duy nhất, tức là thâm nhập một môn. Do vậy...

(Sớ) Khiêm kỹ, tri nhất, tức kết tự phần.

(疏)謙己知一，即結自分。

(Sớ: Tự khiêm, nói ta chỉ biết một pháp, nhằm kết thúc phần nói về chính mình)

Đây là phần tổng kết thành tích tu hành của chính mình.

(Sớ) Hậu

(疏)後。

(Sớ: Sau đó).

Đây là đoạn thứ hai, kinh văn của đoạn thứ hai thuộc phần sau.

(Sớ) Thôi thẳng, tri đa.

(疏)推勝知多。

(Sớ: Đề cao người khác vượt trội ta, biết nhiều).

Đề cao người khác, bọn họ học rộng nghe nhiều, biết nhiều hơn tôi. Ý nghĩa chính là...

(Sớ) Tăng thẳng tấn.

(疏)增勝進。

(Sớ: Tăng trưởng ước vọng muốn tiến lên những địa vị cao cả hơn)

Nay lời chú giải tiếp theo đây nhằm giải thích danh xưng của pháp môn được chứng đắc bởi Cát Tường Vân Bồ Tát. Có danh đương nhiên có nghĩa. Danh và nghĩa nhất định phải tương ứng.

(Sớ) Kim sơ, tức kết thị kỳ danh.

(疏)今初。即結示其名。

(Sớ: Nay, điều thứ nhất chính là kết lại lời dạy về danh xưng).

“Kết” là tổng kết. Người ta đến tham phỏng, [thiện tri thức] đem những sự từng trải trong tu học cũng như những kinh nghiệm, thành tựu của chính mình cùng với đức dụng, tác dụng thù thắng lớn lao ấy nói hết với Thiện Tài. Cuối cùng, tổng kết lời dạy bằng danh xưng của pháp môn.

(Sớ) Nhất thiết chư Phật bình đẳng cảnh giới giả.

(疏)一切諸佛平等境界者。

(Sớ: Cảnh giới bình đẳng của hết thầy chư Phật).

Trước hết, giải thích câu này. Câu thứ nhất:

(Sớ) Tức thị sở quán hoành cai thập phương, thụ cùng tam tế, nghĩa quán thập thân, cố vân nhất thiết.

(疏)即是所觀。橫該十方，豎窮三際，義貫十身，故云一切。

(Sớ: Tức là pháp được quán theo chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc tột cùng ba đời, nghĩa thông suốt mười thân, nên gọi là “hết thầy”).

Kinh Hoa Nghiêm nói đến Thập Thân (mười thân), nhưng trong các kinh luận Đại Thừa, đức Phật thường nói tới ba thân, Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân. Hoa Nghiêm dùng con số “mười” để tượng trưng cho sự viên mãn. Vì thế nói tới mười thứ thân, những điều này trong phần trước tôi đã đều nói qua. Mười thứ thân chính là từ ba thân mở rộng ra, quy nạp lại thì chẳng ngoài ba thân. Phép quán ở đây là quán cảnh giới bình đẳng của Phật, nên gọi là “sở quán” (pháp được quán, đối tượng được quán). Trong câu này, cảnh giới sâu rộng vô hạn, “hoành cai thập phương” là nói tới không gian, “thụ cùng tam tế” là nói thời gian. “Tam tế” là nói tới quá khứ, hiện tại, vị lai, quá khứ không khởi đầu, vị lai không kết thúc. Trong không gian và thời gian vô hạn, hết thầy chư Phật đều là cảnh giới để quán. Nếu nói tỉ mỉ, sẽ bao gồm mười thân Phật. Mười thân chính là vô lượng thân. Quý vị phải hiểu, đức dụng nơi quả địa giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng” (Tùy theo tâm của chúng sanh mà [thị hiện, chỉ dạy sao cho] phù hợp với khả năng

nhận biết của họ). Chúng sanh trong mười phương thế giới có cảm, Phật liền ứng, đó gọi là “*cảm ứng đạo giao*”, giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát trong phẩm Phổ Môn. Nói thật ra, Phật đâu có thân! Phật không có thân! Do vì không có thân, nên có thể tùy loại hiện thân, có thể thuận theo tâm chúng sanh mà hiện vô lượng thân. Vô lượng thân được quy nạp thành mười loại lớn, cho nên gọi là “*thập thân*”. Thập thân¹ lại quy nạp thành ba thân.

(Sớ) Cố vân nhất thiết.

(疏)故云一切。

(Sớ: Cho nên nói là “hết thấy”).

Vì thế, trong “hết thấy” đó, nói thật sự, sẽ là vô lượng thân vậy.

(Sớ) Tức thượng phổ quán Nhất Hạnh tam-muội. Quán kỳ Pháp Thân thập phương chư Phật, diệc thông dư thân, chân ứng vô ngại. Thập thân viên dung, giai thị sở niệm.

(疏)即上普觀一行三昧。觀其法身十方諸佛。亦通餘身真應無礙。十身圓融，皆是所念。

(Sớ: Chính là phổ quán Nhất Hạnh tam-muội đã nói trong phần trên. Quán Pháp Thân thì mười phương chư Phật cũng thông với các thân khác, chân thân, ứng thân vô ngại. Mười thân viên dung đều là cảnh được niệm).

Ở đây, chúng ta phải đặc biệt chú ý: Ngài dạy cho chúng ta phương pháp Niệm Phật. Niệm Phật rất bao la, rất sâu, rất rộng, chẳng phải như chúng ta mỗi ngày cầm xôi chuỗi: “*A Di Đà Phật, A Di Đà Phật!*” Chúng ta đọc chương kinh văn này, hãy nên thấu hiểu phương pháp niệm Phật, hãy nên chú tâm quán sát, học theo phương pháp Niệm Phật, thấy Ngài niệm như thế nào? Trong một câu Phật hiệu của Ngài, vô lượng thân tướng của mười phương ba đời tất cả hết thấy chư Phật đều niệm hết. Như vậy thì Ngài niệm vị Phật nào? Trong phần trước tôi đã nói rồi: Ngài niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Tôi đã giới thiệu với quý vị trong phần trước. Đây chính là “*một chính là hết thấy, hết thấy chính là một*”. Do vậy, lần tham học thứ nhất trong năm mươi ba lần bắt đầu bằng niệm A Di Đà Phật cho tới lần tham học cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại

¹ Theo sách Hoa Nghiêm Không Mục Chương, Thập Thân còn gọi là Thập Phật, gồm có hai loại:

1. Nếu y theo Giải Cảnh, tức Bồ Tát nương theo sự khai ngộ từ chân trí để nhìn mười pháp giới thì Thập Thân là chúng sanh thân, quốc độ thân, nghiệp báo thân, Thanh Văn thân, Bích Chi Phật thân, Bồ Tát thân, Như Lai thân, trí thân, pháp thân, hư không thân.
2. Nếu y theo Hạnh Cảnh thì Bồ Tát tu hành hoàn tất, sẽ đắc mười thứ cảnh giới Phật: Chánh Giác Phật, Nguyên Phật, Nghiệp Báo Phật, Trụ Trì Phật, Hóa Phật, Pháp Giới Phật, Tâm Phật, Tam Muội Phật, Tánh Phật, Như Ý Phật. Đại sư Thanh Lương sử dụng khái niệm Thập Phật này để giải thích hai mươi một pháp môn Niệm Phật do tỳ-kheo Cát Tường Vân nêu ra.

nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Ý nghĩa ấy rất sâu, chúng ta phải thấu hiểu: Từ đầu đến cuối chỉ là một câu A Di Đà Phật niệm cho đến tột cùng!

Trong khi ấy, tham học chẳng trở ngại niệm Phật, niệm Phật chẳng trở ngại tham học. Nói thật ra, tham học là cuộc sống, là công việc. Ý nghĩa này nhằm bảo chúng ta: Niệm Phật chẳng trở ngại cho cuộc sống, chẳng trở ngại công việc, mà công việc, cuộc sống chẳng trở ngại niệm Phật. Trong kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm, không điều gì chẳng nhằm nói rõ chuyện này. Nhưng trong cuộc sống, trong công việc, quý vị quán sát như thế nào, lãnh hội như thế nào để ở trong ấy quý vị sẽ biến đổi cái tâm, thay đổi cảnh giới, quý vị viên mãn thành Phật, ý nghĩa này khẩn yếu lắm!

Do vậy, đây chính là điều đã được nói trong phần trước, chữ “*thượng*” ở đây chỉ cho “*phổ quán Nhất Hạnh tam-muội*” đã được nói trong đoạn kinh văn trong phần trước. “*Quán kỳ Pháp Thân thập phương chư Phật*”, mười phương bao gồm ba đời, mười phương ba đời hết thầy chư Phật. Nói tới Pháp Thân, còn những thân khác thì bảo là “*chân ứng vô ngại*”. Chân là Báo Thân, Ứng là Ứng Hóa Thân, hoàn toàn nằm trong một câu Phật hiệu. Quý vị thấy tâm người ta lớn như vậy đó, tâm lượng ấy rộng nhiều. Còn như chúng ta niệm Phật trong tâm chỉ nắm níu A Di Đà Phật, chỉ cảm thấy A Di Đà Phật thân quen, chèo kéo Ngài, tâm nhãn hết sức nhỏ nhoi, chẳng để cho người thứ hai nào được lọt vào đây! Niệm Phật như thế thì làm sao thành công cho được? Vì thế, người ta niệm như vậy, càng niệm tâm càng rộng, càng niệm tâm càng lớn, thật sự là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm trùm thái hư, lượng trọn khắp các cõi nước với số lượng nhiều như cát).

“*Thập thân viên dung, giai thị sở niệm*” (Mười thân viên dung đều là cảnh được niệm). Ngài không niệm từng thứ một mà mỗi câu A Di Đà Phật đều niệm trọn hết. Chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa này, rồi suy nghĩ xem cách niệm Phật của chúng ta ra sao? Khi chúng ta niệm Phật, dùng cái tâm nào? Nếu nói chúng ta niệm Phật, A Di Đà Phật! A Di Đà Phật! Chuyện gì cũng không nghĩ tới, chuyện gì cũng không biết thì là cái tâm gì vậy? Đây là tâm vô minh, vẫn là bị vô minh ngăn lấp. Một mặt niệm Phật, một mặt khởi vọng tưởng, đây là tâm trạo cử, lộn tung phèo, đều chẳng thể thành công. Quý vị thấy người biết niệm Phật, người ta niệm như thế nào? Họ dụng tâm như thế nào? Một câu Phật hiệu là tận hư không, trọn pháp giới, là cảnh giới bình đẳng của chư Phật. Tiếp đó, đại sư giảng về sự bình đẳng.

(Sớ) Bình đẳng hữu nhị.

(疏)平等有二。

(Sớ: Bình đẳng có hai thứ).

Một là nói trên mặt Sự, một là giảng theo mặt Lý. Trước hết nói đến Sự.

(Sớ) Ước Sự đẳng.

(疏)約事等。

(Sớ) Bình đẳng xét theo mặt Sự).

Chữ “đẳng” ở đây là bình đẳng. Nếu nói theo cách bây giờ thì nói về bình đẳng trên mặt Sự.

(Sớ) **Nhất thiết chư Phật lợi lạc, ý nhạo, thọ dụng, biến hóa nhất thiết tác nghiệp tất giai đồng cố.**

(疏)一切諸佛利樂意樂受用變化一切作業悉皆同故。

(Sớ: *Hết thấy sự lợi lạc, lòng ưa thích, thọ dụng, biến hóa hết thấy tác nghiệp của chư Phật đều giống như nhau.*)

Đây là nói trên mặt Sự, sự rất nhiều, nói chẳng hết. Ở đây chỉ nêu vài thí dụ. “Lợi lạc”, “lợi” là lợi ích chúng sanh. Dùng phương cách nào để tạo lợi ích cho chúng sanh, có thể khiến cho chúng sanh thật sự được vui sướng? Hết thấy chư Phật đều do ý nghĩa này mà biểu hiện nơi mặt Sự. “Ý nhạo” nếu nói theo cách bây giờ thì:

- Một là trong cuộc sống vật chất, nếu cuộc sống vật chất được đầy đủ trọn vẹn thì là lợi lạc.

- [Hai là] cuộc sống tinh thần được đầy đủ, trọn vẹn.

Đây chính là ý nghĩa của từ ngữ “ý nhạo” [được diễn tả qua sự “thọ dụng”] kế tiếp. Hai phương diện thọ dụng đều có, bất luận là thọ dụng vật chất hay thọ dụng tinh thần đều có. Sáu chữ này (tức lợi lạc, ý nhạo, thọ dụng) có thể nói là đã bao gồm trọn vẹn tất cả tâm nguyện của hết thấy hữu tình trong chín pháp giới. Kế đó, đại sư cho biết Phật dùng phương pháp nào để thỏa mãn hết thấy chúng sanh? “Biến hóa hết thấy tác nghiệp”, hóa hiện đây! “Tác” là tạo tác, “nghiệp” là sự nghiệp, đều giống nhau. Trên nguyên lý, nguyên tắc thì không hai, không pháp nào chẳng nhằm lợi lạc chúng sanh. Nhưng cách làm của Phật thì thiên biến vạn hóa, chúng ta chẳng thể nào suy nghĩ, tưởng tượng được, như năm mươi ba lần tham học chỉ là nêu thí dụ mà thôi! Năm mươi ba lần tham học là lợi lạc, ý nhạo, thọ dụng, biến hóa hết thấy tác nghiệp của hết thấy chư Phật, năm mươi ba lần tham học nhằm nói lên điều này.

Trong ấy có chánh diện, chúng ta gọi là thiện, tức người lành làm việc tốt, mà cũng có phản diện, như chúng ta thấy kẻ ác làm việc ác, đấy là cảnh giới của bọn phàm phu chúng ta. Nhưng trong cảnh giới của Bồ Tát thì khác hẳn: Thuận hay nghịch đều là thiện tri thức, thiện hay ác đều thành tựu vô lượng công đức. Phàm phu không thấy được, trong mắt phàm phu thấy những kẻ ấy là người ác, trong mắt Bồ Tát thấy họ là đại thiện tri thức. Trong kinh này cũng có trường hợp ấy. Cam Lộ Hòa Vương² suốt ngày từ sáng đến tối giết người, giết người

² Cam Lộ Hòa Vương (bản Lục Thập Hoa Nghiêm ghi là Mãn Túc Vương, Bát Thập Hoa Nghiêm gọi là Vô Yêm Túc Vương). Để tránh gây hiểu lầm là kinh Phật tán thán hạnh giết người, chúng tôi xin trích dẫn đoạn kinh thuật lời dạy bảo Thiện Tài đồng tử của Cam Lộ Hòa Vương trong Tứ Thập Hoa Nghiêm như sau:

không chớp mắt, chúng ta coi ông ta là ma vương, ác ma! Trong mắt Thiên Tài, ông ta là đại thiện tri thức. Đại thiện tri thức giết người ư? Vì sao giết người? Tiêu nghiệp chướng cho họ, siêu độ họ, chúng ta có biết hay chẳng? Nếu chẳng phải là người có công phu, có cảnh giới tương đương, chắc chắn sẽ thấy không ra!

Thật ra, tuy lý ấy rất sâu, nhưng không phải là chúng ta chẳng thể lãnh hội. Quý vị phải đọc kỹ Liễu Phàm Tứ Huán, thật sự đọc thuộc Liễu Phàm Tứ Huán, đọc hiểu, tôi tin rằng khi quý vị đọc kinh Hoa Nghiêm, sẽ thấu hiểu được mấy phần cảnh giới ấy. Cư sĩ Liễu Phàm nói, thật ra không phải là ông ta nói, mà là thiền sư Vân Cốc nói: Có người thỉnh giáo ông ta: “Thế nào là thiện? Thế nào là ác?” Thiền sư Vân Cốc hỏi học trò: “Các ông đều là người có học, thế nào là thiện? Thế nào là ác?” [Bọn họ thưa]: “Khen ngợi người ta, tưởng thưởng, khích lệ người ta, ca ngợi người ta là thiện! Đánh người, chửi người là ác”. Thiền sư Vân Cốc lắc đầu: “Không hẳn vậy! Nếu trong tâm các ông giữ cái nhìn lệch lạc, ông khen ngợi ai đó, bợ đỡ người ta, trong tâm có mong cầu, có coi là thiện được hay chẳng? Bất thiện! Vì các ông có mục đích. Thầy giáo hằng ngày đánh con cái người khác, đánh đập học sinh, nhằm dạy cho nó tốt đẹp hơn! Vậy thì đánh chửi kẻ khác không phải là ác, mà thật sự là thiện”. Điều này cho thấy nhiều người trong thế gian nhìn làm thị phi, thiện ác, rất nhiều người nhìn ngược ngao!

Giống như Quán Trưởng của chúng ta ở chỗ này mười mấy năm, hai mươi năm, rất nhiều người trong số quý vị thân cận bà ta, cũng có rất nhiều người phê bình bà, bà ta có thật sự là ác hay không? Cũng rất nhiều vị thấy bà ta ác, tôi thấy bà ta rất thiện. Nhìn vào biểu hiện, quý vị thấy dường như bà ta không đếm xỉa lý lẽ, hống hách, chuyên quyền, rất nhiều người không hiểu bà. Những năm qua tôi tu học có được một chút thành tích như thế này, được một chút lợi ích như thế này hoàn toàn nhờ Quán Trưởng đặc lực, nhờ quen với cách xử sự của

“Thiện nam tử! Ta đặc Bồ Tát Như Huyền Giải Thoát. Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh trong cõi nước ta phần nhiều tạo ác nghiệp giống như hạng Chiên Đà La. Nếu ta không khéo giáo hóa các chúng sanh ác như vậy, cứ dùng vô lượng các thứ phương tiện khác sẽ chẳng thể làm cho họ bỏ lìa ác nghiệp, quay về thiện đạo được.

Thiện nam tử! Ta vì điều phục những chúng sanh ấy khiến cho họ thành thực nên dùng phương tiện đại bi hóa ra những kẻ ác, rồi đối trước những kẻ ác đó, thị hiện làm các sự ác và hóa ra những việc ác tàn hại họ, bức nã, trách phạt, đủ mọi thứ trừng trị khổ sở, khiến cho những kẻ làm ác trong nước trông thấy chuyện ấy sẽ sanh lòng kinh hoảng, sanh lòng sợ hãi, đối với các dục lạc sanh lòng chán lìa, sanh lòng khiếp nhược, sẽ có thể vĩnh viễn dứt hết thấy ác nghiệp, phát Bồ Đề tâm, đắc Bất Thoái Chuyển.

Thiện nam tử! Do vậy, hãy nên biết rằng: Những chúng sanh tạo ác chịu khổ và những người trừng trị chúng sanh bạo ác đều là biến hóa.

Thiện nam tử! Ta dùng các thứ biến hóa như thế để làm cho chúng sanh đoạn trừ mười nghiệp bất thiện, tu tập và an trụ trọn vẹn trong mười thiện đạo, rốt ráo lợi lạc, rốt ráo an ổn, rốt ráo viên mãn, vĩnh viễn dứt các khổ, trụ trong Nhất Thiết Trí địa của Như Lai.

Thiện nam tử! Thân ngữ ý của ta chưa hề nghĩ tưởng nào hại một chúng sanh nào!

Thiện nam tử! Trong ý ta, thà chịu khổ không gián đoạn cho đến hết đời vị lai, trọn chẳng phát khởi một niệm sân tâm, dấy lên ý tưởng nào hại một con muỗi, hoặc một chúng sanh nhỏ nhặt nào; huống là tạo tác ác nghiệp như thế!”

bà ta. Người ta cúng dường tiền bạc cho tôi, bà ta cần, tôi đều đưa hết, bà ta dùng làm gì tôi chẳng biết tới, tốt hay chẳng? Tốt lắm chứ! Khiến cho ý niệm tham tài của tôi bị đoạn sạch, tôi được lợi ích rất nhiều. Người ta cúng dường tôi, quý vị có cần hay không? Quý vị không cần. Quý vị không đoạn cái tâm tham cho tôi, bà ta có biện pháp đoạn được cái tâm tham của tôi. Danh văn, lợi dưỡng, thứ gì bà ta cũng đều lấy hết, cai quản đại chúng, quản người, lo liệu công việc, chuyện gì bà ta cũng trông coi, tôi chuyện gì cũng không phải lo tới, hỏi gì cũng không được, hễ hỏi tới bà ta liền nổi nóng, toan chửi mắng người ta. Quý vị thấy bà ta rất dữ, tôi thấy bà ta rất tốt, vì sao vậy? Thành tựu cái tâm thanh tịnh cho tôi, thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật cho tôi, tôi được Quán Trưởng thành tựu Lục Ba La Mật cho tôi. Không có vị thiện tri thức như vậy thì quý vị phải hiểu là chẳng thể nào đoạn trừ danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần dễ dàng như vậy được!

Khi đạo tràng này được tạo dựng, nếu tôi muốn quản lý, chắc chắn tôi sẽ vướng trong danh văn, lợi dưỡng. Nói thật lòng, tuy trong đời này, tôi sẽ rất có thể diện, nhưng tương lai vẫn là lục đạo luân hồi. Tôi luân hồi trong lục đạo thì bà ta cũng luân hồi trong lục đạo, bà ta có công đức gì đâu? Bà ta giúp tôi đoạn trừ danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, nên có công đức, tôi có thể vượt thoát tam giới, cho nên A Di Đà Phật tiếp dẫn bà ta vãng sanh. Người thế gian làm sao thấy được điều này? Nếu tôi không nói toạc ra, quý vị sẽ đều nghĩ không thông. Cho rằng Quán Trưởng hung tợn như vậy, từ sáng đến tối một câu Phật hiệu cũng không niệm thì làm sao bà ta vãng sanh cho được? Quý vị thật sự hiểu rõ, đương nhiên bà ta vãng sanh, A Di Đà Phật đương nhiên hộ trì bà ta. Thành tựu của tôi chính là thành tựu của bà ta; nếu tôi chẳng thành tựu, bà ta cũng chẳng có được một chút công đức của người hộ trì. Điều này giống như trồng cây. Cây đã mọc to sẽ lắm trái, thu hoạch rất nhiều. Người trồng cây vui sướng, bà ta có thu hoạch. Dẫu trồng cây cho to mà đến cuối cùng cây chết khô, chẳng sanh ra thứ gì, thì một tí công đức bà ta cũng không có. Bà ta trồng cây thành công như thế, đơm bông, kết quả. Đơm bông là pháp môn Tịnh Tông của chúng ta, Vô Lượng Thọ Kinh và phương pháp Niệm Phật được phổ biến rộng rãi trên toàn thế giới, đấy chính là đơm bông. Hiện nay, chúng ta mấy lượt tổ chức lớp bồi dưỡng huấn luyện tại Tân Gia Ba, huấn luyện học sinh đông đảo như thế, đấy là kết hạt, khiến cho chánh pháp này, pháp môn Tịnh Tông này được vĩnh viễn kế tục. Bà ta đã thật sự thực hiện công cuộc hộ trì chánh pháp, tiếp nối huệ mạng của Phật. Những thứ tướng ác ấy chính là điều được nói tới trong đoạn kinh này, đều là do Phật, Bồ Tát biến hiện, đóng giả, nhằm thành tựu người khác. Nếu bà ta làm như thế này đối với quý vị: Suốt ngày từ sáng tới tối, đối với tôi cung cung kính kính, vâng lời, hầu hạ, tôi cũng sẽ đọa lạc, mà quý vị cũng đọa lạc luôn. Do vậy, nếu quý vị là người biết học thì nghịch hay thuận đều là thiện tri thức, rất khó! Vì vậy, tới khi A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, thay bà ta an bài hậu sự, tôi mới hoảng nhiên đại ngộ, bà ta đến diễn tuồng, bà ta không phải thật sự là như vậy, bà ta là Bồ Tát từ Tây Phương Cực Lạc thế giới trở lại nơi đây.

Vì vậy, lúc lâm chung A Di Đà Phật lo lắng cho bà ta. Đây là điều chúng ta chưa từng nghe nói tới. Khi chúng tôi muốn may y, A Di Đà Phật báo cho bà chủ tiệm may Tăng phục biết, kêu bà ta may gấp cho chúng tôi. Từ trước đến nay, chưa từng nghe nói tới chuyện này. Ngày hôm ấy, bà chủ tiệm đo áo cho chúng tôi, nói ra chuyện này, giữa trưa A Di Đà Phật báo cho bà ta biết, chúng tôi đều ngớ người ra. Do vậy, Quán Trượng là Bồ Tát từ Tây Phương Cực Lạc thế giới thị hiện, trong quá khứ chúng ta không biết, có hiểu làm bà ta đôi chút; nay nếu đã biết mà vẫn hiểu lầm thì quý vị không phải là người niệm Phật! Tuy quý vị niệm A Di Đà Phật, quý vị vẫn là hủy báng Phật, Bồ Tát, công đức niệm Phật của quý vị hoàn toàn bị tiêu sạch, không còn nữa! Hết sức chẳng dễ dàng, hộ trì suốt ba mươi năm, khiến cho Tịnh Tông được hoàng dương khắp cả thế giới, ảnh hưởng đến đời sau. Ảnh hưởng ấy hết sức sâu, hết sức rộng lớn. Do vậy, đây là biến hóa, tác nghiệp, thuộc về loại hình thức này.

Các vị ấy biến hóa thành những hình tượng nào? Không nhất định! Hoàn toàn là để độ chúng sanh, cần phải dùng tới phương pháp nào, bèn dùng phương pháp ấy để đối phó. Nói chung, phương pháp lành cũng thế, mà phương pháp ác cũng thế. Thuận cảnh cũng thế, mà nghịch cảnh cũng thế, đối tượng hóa độ đều được lợi ích, họ đều có thể lãnh ngộ, chúng ta thường gọi là khai ngộ. Họ đều có ngộ xứ, đều có thể biến đổi, trừ sạch căn bệnh, tập khí, thành tựu “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, công phu nằm ở chỗ này. Những thứ vừa được nói tới trong đoạn kinh văn này như “*lợi lạc, ý nhạo*” đều nằm trong ý này.

Chẳng những Quán Trượng đã thành tựu sự nghiệp lớn lao và nhân duyên lớn lao, mà khi lâm chung, bà ta còn trao cho chúng ta một lời chỉ dạy cực lớn, dạy chúng ta niệm Phật thì nhất định chính mình phải có năng lực, phải nắm chắc sẽ tự được vãng sanh. Đây là lời chỉ dạy do bà đã dành cho chúng ta. Vì sao vậy? Nếu như lâm chung không nắm chắc [vãng sanh], nằm bệnh trên giường, sẽ giống như thầy Lý đã nói: “*Một vạn người niệm Phật, được vãng sanh cũng không tới hai ba người mà thôi*”. Chắc chắn là đại đa số chẳng thể vãng sanh. Do nguyên nhân nào? Quý vị đọc Sứ Chung Tu Tri sẽ biết ngay, chính là vì lúc lâm chung không đúng pháp. Dẫn cho người ấy niệm giỏi cho mấy, rất dễ dàng vì một động tác không chú ý³ liền bị lôi vào lục đạo.

Quán Trượng thị hiện lúc lâm chung có phước báo, người xuất gia chúng ta đông đảo như thế, Tam Bảo đầy đủ đến hộ trì bà ta làm cho tâm bà ta không điên đảo khi lâm chung. Chúng ta đông người như vậy, ngày đêm thay phiên nhau, không ai nghe bà ta nói một câu quàng xiên nào, chưa hề nghe nói qua. Chưa hề thấy người nhà, quyến thuộc nào, khi chết [được như vậy], chưa thấy ai trong quá khứ được như vậy. Đây là hộ trì đặc lực, là phước báo thật sự. Nghĩ đến khi chúng ta lâm chung trong tương lai, có được cơ hội ấy hay chẳng? Có được người xuất gia chân tâm chân ý đến hộ trì hay chẳng? Nếu không có nhân duyên ấy, làm sao chúng ta không bị lỡ làng cho được! Nằm bẹp trên giường bệnh, nghe người ta xếp đặt có được hay chẳng? Nguy hiểm quá! Vì thế, bà ta

³ Ý nói bị người thân vì không hiểu biết mà rờ đụng, tắm rửa, thay quần áo, dời chỗ nằm, khóc lóc, hỏi han chuyện hậu sự hoặc chuyện gia đình v.v... khiến cho người ấy đau đớn, bi luyến, mất chánh niệm.

đã trao cho chúng ta một lời cảnh cáo, khi mất, nhất định phải tự tại. Do vậy, tôi tìm đến ông Hoàng, chủ tiệm in kinh. Tôi nhờ ông ta in cho tôi một vạn cuốn Niệm Phật Luận để kết duyên với mọi người. Trong Niệm Phật Luận, người xuất gia là thầy Tu Vô, biết trước lúc mất, ngồi qua đời, ngồi rất nghiêm túc, đẹp đẽ, rất tự tại! Trong số cư sĩ tại gia đều có những vị nam cư sĩ, nữ cư sĩ nêu gương tốt đẹp. Niệm Phật bao lâu? Cũng chẳng qua là dăm ba năm mà thôi, thời gian trọn chẳng dài! Nếu quý vị hỏi vì sao họ có thể làm được ư? Buông xuống muôn duyên, nếu hết thấy pháp thế gian lần xuất thế gian chẳng để nơi lòng thì một câu A Di Đà Phật sẽ được thành công.

Do vậy, những tấm gương ấy, những khuôn mẫu ấy, chúng ta phải thường nhắc tới, chứ không phải là trò trẻ nít. Chẳng những buông xuống duyên đời, mà Phật pháp cũng phải buông xuống, thật sự là một câu Phật hiệu niệm tới cùng cực, sẽ thành công. Thời thời khắc khắc tưởng nhớ A Di Đà Phật, chúng ta sẽ ra đi rất tự tại. Giống như một đồ đệ làm nghề vá nồi của lão pháp sư Đệ Nhàn khi Ngài còn trẻ, bất quá ông ta cũng niệm Phật ba bốn năm. Đạo lý nào trong kinh Phật, vị ấy cũng chẳng thông. Vị ấy không biết chữ, nghe kinh thì một buổi cũng chưa từng nghe qua. Do vị ấy sống khổ quá, nên tìm đến pháp sư Đệ Nhàn xin xuất gia. Pháp sư Đệ Nhàn cũng bị ông ta ép đến nỗi không còn cách nào khác, phải thâm nhận. Ông ta là bạn chơi đùa thuở nhỏ, ở cùng chỗ với Sư lúc Ngài mới mấy tuổi. Về sau, do ông ta khổ như vậy, sự khổ sở ấy khiến cho ông ta nhầm chán thế gian. Bởi vậy, cuộc sống tốt đẹp sẽ không hay, cuộc sống tốt đẹp sẽ khiến cho quý vị nảy sanh ý niệm tham luyến thế gian, quý vị vẫn không lìa bỏ được, sẽ không có phần nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Cuộc sống khổ sở tốt lắm! Do vậy, trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: “*Dĩ khổ vi sư*” (Lấy khổ làm thầy), rất có đạo lý! Cuộc sống khổ quá, một tí tí ý niệm tham luyến đối với thế gian đều không có, cho nên người ấy mới có thể nhất tâm niệm Phật. Niệm ba bốn năm, quý vị thấy ông ta đứng qua đời, lại còn đứng sững nhiều hôm rồi pháp sư Đệ Nhàn mới đến lo liệu hậu sự cho ông ta. Bởi lẽ, đạo tràng tu học của ông ta ở Ôn Châu, tức huyện Ôn Châu tỉnh Chiết Giang, còn lão pháp sư Đệ Nhàn thì ở chùa Kim Sơn thuộc Trấn Giang ở Tô Châu, tức chùa Kim Sơn ở Trấn Giang. Người ta từ Ôn Châu đến báo tin, khi ấy chưa có phi cơ, cũng không có xe hơi, đi đường bộ, ngồi thuyền đến báo tin, lão pháp sư Đệ Nhàn lại từ chùa Kim Sơn trở về Ôn Châu lo liệu hậu sự cho ông ta, có nhanh thì cũng phải ba bốn ngày. Chết rồi, ông ta vẫn đứng sững ba bốn ngày, thật phi thường! Một chữ cũng không biết! Do vậy, Quán Trưởng vãng sanh đã nhắc nhở, cảnh tỉnh chúng ta hết sức cao độ! Nay chúng ta phải học theo ai? Phải học theo người ngu độn nhất, học theo người thợ vá nồi ấy, học theo người ấy thì chúng ta mới có thành tựu, mới có hy vọng.

Mỗi người đều phải tích cực đọc Sứ Chung Tu Tri mấy lượt thì quý vị mới biết lâm chung đáng sợ. Không phải là nói cái chết đáng sợ, chết không đáng sợ! Nói thật ra, người tiền đưa lúc lâm chung đều là oan gia trái chủ; nếu chẳng đúng như pháp, sẽ không ra làm sao cả, sẽ hỏng chuyện. Vì vậy, phương pháp tốt nhất là chính mình có thể biết trước lúc mất, không bị bệnh, muốn đi lúc nào thì đi ngay lúc đó, ra đi tự tại mới tốt. Trong mấy năm gần đây nhất, chúng ta

cũng có lúc nghe có những gương như vậy, người ta đã làm được thì tại sao chúng ta không làm được? Tôi nhớ trong quá khứ, tôi cũng đã nói mấy lần rồi, chuyện này nói thêm mấy lần nữa cũng không sao. Ai đã nghe rồi thì ấn tượng sẽ sâu thêm, người chưa nghe thì hãy nghe cho kỹ.

Khi tôi ở Gia Châu (California), Cam lão cư sĩ có kể cho nghe một câu chuyện, chuyện một người họ hàng của bà ta, người ấy cũng là một bà cụ. Cam lão cư sĩ cũng đã tám mươi mấy tuổi, sống ở Cựu Kim Sơn (San Francisco). Người họ hàng của cụ cũng là một bà lão, con cái di dân đến Mỹ, bà lão sống nhờ con, làm chuyện nhà, chăm sóc cháu. Mỗi sáng sớm, cụ đều dậy nấu cơm, giặt quần áo. Sáng hôm ấy, cơm không nấu, người nhà cảm thấy lạ lắm, hôm nay sao bà cụ ngủ trễ vẫn còn chưa dậy? Liên mở cửa phòng bà cụ, nhà ở Mỹ phòng người già không khóa. Mở cửa ra xem, bà cụ ngồi xếp bằng trên giường, nhìn kỹ, cụ đã mất rồi. Chẳng hiểu chết vào lúc nào, ngồi xếp bằng ra đi, ngồi vãng sanh. Coi lại, cụ để sẵn di chúc trước mặt. Chẳng những có di chúc, mà đồ tang của mỗi đứa con, đứa cháu đều có, cụ đã may sẵn rồi, từng bộ từng bộ xếp bên cạnh. Điều này thật phi thường, chẳng phải là cụ đã biết trước lúc mất hay sao? May đồ tang từ lúc nào? Đại khái là khi con trai, con dâu đi làm, cháu nội đi học, cụ ở nhà không có chuyện gì bèn mua vải, may y phục tại nhà, không báo cho ai biết, quý vị nói xem cụ cao minh hay chẳng? Biết trước lúc mất, cụ chẳng để lộ ra, hề lộ ra sợ con cháu khóc lóc, cũng như van nài không cho cụ đi, cụ đi không được. Chẳng lộ tăm tích, một câu cũng chẳng nói, đi rồi viết sẵn di chúc để trước mặt.

Nay chúng ta phải học theo gương ấy, đây là chuyện cận đại, chuyện thuộc vào mấy năm trước. Bọn họ làm được, vì sao chúng ta không làm được? Do vậy, quý vị nhất định phải nhớ rõ, chuyện thế gian như mộng, huyễn, bọt, bóng. Chuyện gì quý vị đã làm xong, nhất định đừng giữ trong lòng. Giữ những chuyện ấy trong lòng là quý vị lầm lẫn quá đỗi rồi! Đối với mọi chuyện thì sao? Tùy duyên, quyết định chẳng nắm níu, tùy duyên sẽ tiêu nghiệp. Quý vị hỏi tôi, tôi không có chủ ý, tôi không có chủ trương, quý vị thích làm thế nào bèn làm như thế ấy, quý vị cho rằng như thế nào là hay thì làm như vậy mới là hay, quý vị tưởng quý vị tự tại lắm! Ở trong hết thủy cảnh, trong hoàn cảnh nhân sự, trong hoàn cảnh vật chất, chúng ta phải tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng, tu tâm chân thành, niệm Phật như vậy thì mới có thể vãng sanh.

Do vậy, chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi biến hóa hết thủy tác nghiệp, không phải là người thật sự tu hành, sẽ chẳng thể thấu hiểu. Nói chung là vì chính quý vị có thành kiến, cho nên đối lập với các vị ấy. Nói chung là gì? Tạo nghiệp! Nếu quý vị thật sự biết “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”, hết thủy cảnh giới đều là cảnh do Phật, Bồ Tát biến hiện. Đừng nghĩ Phật, Bồ Tát rất chiếu cố một ai đó, không quan tâm đến ta. Nếu nghĩ như vậy, quý vị đã khởi vọng tưởng, quý vị đã lầm lẫn mất rồi! Thật ra, Phật, Bồ Tát thời thời khắc khắc luôn chiếu cố quý vị, nhưng chính quý vị không tiếp nhận, như vậy thì quý vị làm cách nào đây? Người này khen ngợi quý vị mấy câu, quý vị sung sướng khôn cùng: “Người ấy là người tốt!” Kẻ nọ chửi quý vị vài câu, giận dữ mấy bữa không nguôi! Người bên ngoài khen ngợi hay chửi rủa quý vị đều là Phật,

Bồ Tát, quý vị không tiếp nhận, phản kháng họ, bảo là họ không chiêu cố quý vị ư? Người ta khen ngợi quý vị, quý vị gật đầu: “Rất hay! Tôi chẳng đáng được khen ngợi, tôi không được như vậy”. Tâm quý vị bình tịnh, chẳng khởi sóng gió, chẳng sanh lòng hoan hỷ. Đối với hủy báng, khi nghe âm thanh hủy báng giống như tiếng vang trong hang trống, coi như không có những chuyện ấy, tâm quý vị vẫn như như bất động. Quý vị thấy người ta hủy báng hay khen ngợi quý vị đều là tác nghiệp biến hóa của Phật, Bồ Tát, há quý vị chẳng thành tựu trong khi ấy ư?

Vì thế, đại sư Ngẫu Ích nói rất hay: “*Cảnh duyên không tốt, xấu*”; cảnh là hoàn cảnh vật chất, duyên là hoàn cảnh nhân sự. Ngài nói rõ trong hoàn cảnh nhân sự lẫn hoàn cảnh vật chất, không có gì là đúng, sai, tốt, xấu. Vậy thì đúng, sai, tốt, xấu ở chỗ nào? Ở trong lòng người, ở trong chính tâm ta. Quý vị dùng cái tâm nào để cảm? Quý vị dùng thiện tâm để cảm, tất cả cảnh giới sẽ đều là lành. Quý vị dùng ác tâm để cảm, tất cả cảnh giới đều là ác. Vì thế mới nói “*cảnh chuyển theo tâm*”, chứ không phải là tâm chuyển theo cảnh. Tâm chuyển theo cảnh chính là những kẻ thấy biết lầm lẫn, không phải như vậy! Đạo lý thật sự là “*cảnh chuyển theo tâm*”. Vì thế, kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Nếu có thể chuyển được cảnh, sẽ giống Như Lai*”. Thật sự là kẻ thông minh, lanh lợi, quý vị phải chuyển được cảnh giới. Bất luận cảnh giới nào hiện tiền, nếu hiểu rõ ràng thì là trí huệ, như như bất động là Thiên Định. Do vậy, hễ cảnh giới hiện tiền, quý vị tu điều gì nơi đó? Tu Định, Huệ, giữ Định Huệ cho cân bằng, làm sao quý vị không thành tựu cho được!

Người niệm Phật nhất tâm bất loạn, nhất tâm là Định, bất loạn là Huệ. Quý vị có được công phu ấy, làm sao chẳng vãng sanh? Chúng ta thấy người ta vãng sanh, thấy rồi hết sức hâm mộ, họ có bản lãnh gì vậy? Bản lãnh của họ nằm ở chỗ này, tức là trong hết thảy cảnh giới đều hiểu rõ ràng, như như bất động. Trong kinh Kim Cang, đức Phật dạy ngài Tu Bồ Đề mà cũng là dạy chúng ta, “*bất thủ tướng, như như bất động*” (chẳng chấp lấy tướng, như như bất động), tức là ngoài chẳng chấp vào tướng, trong tâm chẳng động. Chẳng phải là bảo quý vị mắt không thấy, tai không nghe, không phải vậy! Như vậy thì đâu có ích gì! Mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, hiểu rõ ràng là trí huệ, bất động là Thiên Định. Đây là nói trên mặt Sự, trên mặt Sự thật ra quá nhiều, chẳng thể nói hết được. Người biết tu hành sẽ tu hành trong cảnh duyên ấy, tách lìa hoàn cảnh nhân sự vật chất thì quý vị đến đâu để tu? Vô ích! Tu hành tu trong xã hội phức tạp này, xã hội càng phức tạp, sẽ càng dễ thấy rõ quý vị có công phu Định Huệ hay không! Tiếp đó là nói về Lý. Đây là...

(Sớ) Nhị giả Lý đẳng.

(疏)二者理等。

(Sớ: Thứ hai là lý bình đẳng).

Sự đã bình đẳng mà Lý cũng bình đẳng.

(Sớ) Thập phương Như Lai đồng nhất Pháp Thân, tam tế chư Phật vô nhị thể cố.

(疏)十方如來同一法身，三際諸佛無二體故。

(Sớ: Mười phương Như Lai có cùng một Pháp Thân, do ba đời chư Phật không hai thể vậy).

Ý nghĩa này cũng rất sâu. Chư Phật Như Lai có cùng một Pháp Thân, chúng ta và chư Phật có cùng một Pháp Thân hay chẳng? Quý vị phải hiểu rằng: Cũng cùng một Pháp Thân! Pháp Thân là Lý thể, Pháp Thân là năng biến (cái có thể biến hiện ra những thứ khác), y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do nó biến hiện. Phật giáo gọi nó là Pháp Thân, còn triết học hiện đại gọi nó là Bản Thể, tức là bản thể của vũ trụ vạn hữu. Vạn hữu trong vũ trụ do đâu sanh ra? Từ đây mà sanh ra, Phật giáo gọi là Pháp Thân. Do vậy, chúng ta và hết thấy chư Phật, Bồ Tát đều có cùng một Pháp Thân. Có cùng một Pháp Thân với hết thấy chư Phật, nghĩa là cũng có cùng một Pháp Thân với hết thấy chúng sanh! Phật, Bồ Tát biết rõ ràng, minh bạch, cho nên Phật, Bồ Tát lưu xuất tâm từ bi, gọi là vô duyên đại từ, chữ Duyên [ở đây] là điều kiện. Vô duyên là vô điều kiện. Đồng thể đại bi, vì sao các Ngài yêu thương, che chở chúng sanh, quan tâm các chúng sanh vô điều kiện? Là vì có cùng một Pháp Thân. Chẳng những hết thấy hữu tình có cùng một Pháp Thân, mà vô tình chúng sanh cũng có cùng một Pháp Thân. Đây chính là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Tình và vô tình cùng viên Chung Trí*”. Cùng một Pháp Thân, đây là giác ngộ, hiểu rõ. Chúng sanh không giác ngộ, mê hoặc, điên đảo, nên cùng là một thân mà thấy là bất đồng, vẫn cứ muốn song phương đối lập với người ấy, vẫn muốn tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, vẫn muốn gây tổn thương cho nhau, chẳng biết là có cùng một Pháp Thân. Do vậy, hại người cũng là hại chính mình, lợi ích người khác là lợi ích chính mình, vì sao? “*Tự tha bất nhị*”, trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói như thế. Vì sao chúng ta không thể làm được? Chúng ta vẫn thấy ta và người là hai, đây gọi là nghiệp chướng, tập khí từ vô thủy kiếp đến nay, mê hoặc, điên đảo mà! Đây là bình đẳng trên mặt Lý. Tiếp theo là dẫn các kinh để làm chứng.

(Sớ) Cổ Bát Nhã vân: “Nhược nhất Phật xuất thế, nhất thiết giai xuất. Nhất Phật Niết Bàn, nhất thiết Niết Bàn. Hà dĩ cố? Chư Phật pháp tánh vô nhị tướng cố”. Bất như thị tri, phi chân niệm Phật!

(疏)故般若云，若一佛出世，一切皆出。一佛涅槃，一切涅槃。何以故。諸佛法性無二相故。不如是知，非真念佛。

(Sớ: Vì thế, kinh Bát Nhã dạy: “Nếu một đức Phật ra đời thì hết thấy đều ra đời. Nếu một đức Phật nhập Niết Bàn thì hết thấy đều nhập Niết Bàn. Vì sao vậy?

Do pháp tánh của chư Phật không có hai tướng”. Chẳng biết như thế, sẽ không phải là chân thật niệm Phật).

Nói tới pháp môn Niệm Phật, người thật sự niệm Phật hiểu rõ đạo lý này; do vậy, kinh luận thường nói tới Phật hiệu của người [niệm Phật chân thật ấy] như sau: “*Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Vì sao nay chúng ta chẳng thể không tương ứng, vì sao người ta một niệm tương ứng một niệm Phật? Do người ta hiểu rõ chân tướng sự thật, trong mấy năm gần đây, chúng tôi thường gọi [chân tướng sự thật ấy] là “*chân tướng của nhân sanh vũ trụ*”. Hiểu rõ chân tướng là giác ngộ, giác chính là Phật.

“*Nhất Phật xuất thế, nhất thiết giai xuất*”: Chẳng phải là cảnh giới của phàm phu, mà là cảnh giới của Phật. Đức Phật đã thành Phật, thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm, kinh Viên Giác, đức Phật dạy: “*Hết thấy chúng sanh vốn đều là Phật*”. Khi nào quý vị sẽ thấy được? Khi thành Phật sẽ thấy được. Chính mình đã thành Phật, sẽ thấy hết thấy bao nhiêu chúng sanh vốn đều là Phật. Điều này là một khai thị lớn cho chúng ta, chúng ta hãy nên thường phản tỉnh: Chính mình đang thuộc cảnh giới nào? Nếu chính mình thấy hết thấy chúng sanh đều thành Phật, chính mình sẽ thành Phật. Nếu quý vị vẫn thấy “ta thành Phật rồi, những kẻ khác đều là phàm phu”, chắc chắn là quý vị chưa thành Phật. Vị Phật ấy là Phật giả, không thật. Nếu quý vị thành Bồ Tát, sẽ thấy hết thấy chúng sanh đều là Bồ Tát. Cùng một đạo lý ấy, quý vị thấy hết thấy chúng sanh đều là người tốt thì quý vị mới là người tốt. Quý vị thấy hết thấy chúng sanh đều là kẻ xấu, chính mình là kẻ xấu xa nhất! Do vậy, Lục Tổ Huệ Năng đại sư nói: “*Nếu ai thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian*”. Đây là bí quyết dụng công. Lục Tổ nói Ngài dụng công chỉ thấy lỗi làm của chính mình, không thấy lỗi của người khác, sao Ngài không khai ngộ cho được? Làm thế nào để chứng quả? Bí quyết nằm trong câu ấy. Nếu quý vị học được [bí quyết ấy] thì một đời này quý vị sẽ có hy vọng thành công, có hy vọng khai ngộ, chứng quả. Quý vị phải nắm chặt bí quyết này, phải học nhé!

Thấy lỗi của chính mình, chẳng thấy lỗi thế gian. Ngài không nói chẳng thấy lỗi người khác, chẳng thấy lỗi người khác còn thuộc phạm vi nhỏ nhoi. [Vì chỉ hạn cuộc nơi] con người mà thôi! Ngoài con người ra, còn có rất nhiều sự, rất nhiều vật, tất cả hết thấy những lỗi lầm ngoài những lỗi của chính mình ra, người ấy đều không thấy, những gì người ấy thấy toàn là thiện. Có kẻ cất vấn: “Trong những điều thiện chẳng có tướng sai biệt ư?” Có tướng sai biệt chứ! Dù mọi thứ tướng thuận nghịch sai biệt, giống như trong năm mươi ba lần tham học ở đây là năm mươi ba thứ cảnh giới bất đồng, hiện tượng bất đồng; nhưng trong các thứ hiện tượng [bất đồng ấy] chẳng thấy lỗi lầm của người khác, chỉ thấy toàn những chỗ tốt đẹp của họ.

Nếu quý vị không tin tưởng, quý vị hãy nghĩ đến điều tôi vừa mới thưa cùng các quý vị. Quý vị thấy Quán Trưởng có đủ thứ lỗi lầm, tôi thấy bà ta điều gì cũng tốt đẹp, tôi không thấy bà ta có lỗi lầm. Vì sao thế? Những hành vi của bà ta đều tạo lợi ích cho tôi, tôi đều được thọ dụng, nhờ bà ta mà tôi lãnh ngộ, khai giải, đoạn tập khí, tăng trưởng Định Huệ. Vấn đề thuộc về mỗi người. Khi đã

thấy Quán Trường đối xử với tôi như thế thì [sẽ thấy] những người khác cũng giống như vậy, chỗ nào cũng giống như nhau. Người ta lăng nhục tôi, chửi bới tôi, tôi rất cảm ơn họ, vì sao tôi cảm ơn họ? Là vì họ đến khảo nghiệm tôi, tôi thật sự không động tâm, không sanh phiền não, tôi đậu rồi! Tôi cảm tạ họ. Họ đến khen ngợi tôi, đến cúng dường tôi, tôi cũng cảm tạ họ, vì sao? Tôi không khởi tâm tham, tôi không bị lay động bởi những thuận cảnh, tôi thấy toàn là cảnh giới tốt. Như vậy mới có thể thành tựu, đó gọi là học Phật, đó gọi là tu hành. Tu hành là thời thời khắc khắc trong hết thấy các cảnh giới, sửa đổi cho đúng những hành vi lầm lạc. Khi thấy người khác có lỗi lầm, tức là họ có hành vi sai lầm thì phải quay đầu phản tỉnh xét coi chính mình có mắc lỗi lầm ấy hay không. Vì trong cảnh thuận hay nghịch, phải phản tỉnh xem chính mình có khởi tâm động niệm hay không? Nếu có khởi tâm động niệm, trông thấy lỗi lầm của chính mình, thật sự không thấy lỗi lầm của người khác. Người khác trắc nghiệm chính ta, thí nghiệm xem chính ta có khởi tâm động niệm hay không? Nếu hỏi quang phản chiếu được như vậy, thường xuyên phản tỉnh như thế, tôi tin là công phu quý vị mỗi năm sẽ tiến bộ hơn. Rèn luyện được mười năm hay tám năm, tâm quý vị sẽ thanh tịnh, sẽ bình đẳng. Tâm thanh tịnh, bình đẳng sanh ra trí huệ, chẳng sanh phiền não. Pháp môn Niệm Phật cũng chẳng phải là ngoại lệ; vì thế, “*chẳng biết như thế, chẳng phải là niệm Phật chân thật*”.

(Sớ) Cổ thượng kinh vân: Nhược sanh như thị tướng, thử Phật thử tôi thắng, điên đảo phi thật nghĩa, bất năng kiến chánh giác.

(疏)故上經云·若生如是想·此佛此最勝·顛倒非實義·不能見正覺。

(Sớ: Vì thế, trong phần trước, kinh dạy: “Nếu sanh tâm tướng như thế này, vị Phật này tôi thắng như thế này, thì đây là điên đảo, chẳng phải là thật nghĩa, chẳng thể thấy được chánh giác”).

Vì sao vậy? Là vì khởi tâm động niệm. Quý vị trông thấy Phật, thấy đức Phật này thù thắng. Chúng ta niệm bài kệ Tán Phật, “*thập phương tam thế Phật, A Di Đà đệ nhất*” (mười phương ba đời Phật, A Di Đà bậc nhất), A Di Đà Phật là thù thắng nhất! Tự quý vị cho là không sai lầm, tôi tán thán A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là bậc nhất, trong mười phương ba đời A Di Đà Phật là bậc nhất. Quý vị khởi lên cái tâm ấy, động ý niệm ấy thì quý vị điên đảo, chẳng phải là thật nghĩa. Vì sao vậy? Phật Phật đạo đồng, Phật Phật bình đẳng, sao A Di Đà Phật lại là bậc nhất? Do vậy, nếu quý vị thấy hiểu như vậy, giữ ý niệm ấy, ý niệm của quý vị chẳng phải là chánh giác! Quý vị chưa giác ngộ, quý vị vẫn còn đang mê, quý vị vẫn xử sự theo cảm tình. Vậy thì A Di Đà Phật có phải là bậc nhất hay không? “Đích thực là bậc nhất” là nói theo phương diện nào? Nói theo phương tiện độ chúng sanh. Từ phương pháp, phương tiện độ chúng sanh để nói, đích thực Ngài là bậc nhất. Vì thế, mười phương chư Phật đều khen ngợi Ngài.

Mười phương hết thấy chư Phật có phương pháp ấy của A Di Đà Phật hay không? Thừa với quý vị, đều có cả! Làm sao không có cho được? A Di Đà Phật

có, những vị Phật khác không có, [đâu có lẽ nào như vậy]. A Di Đà Phật khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, hết thầy các vị Phật khác cũng khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, vậy là không giống nhau hay sao? Pháp môn này chẳng phải là hết thầy chư Phật đều cùng có hay sao? Do vậy, quý vị phải hiểu là qua những điều trên đây, các vị tổ sư khen ngợi: “*Thập phương tam thế Phật, A Di Đà đệ nhất*”. Tổ sư đại đức tán thán như vậy đó. Quý vị phải thật sự hiểu rõ ý nghĩa chân thật. Đây chính là như trong kinh Kim Cang Bát Nhã đã dạy: “*Đệ nhất giả tức phi đệ nhất, thị danh đệ nhất*” (Đệ nhất tức chẳng phải là đệ nhất, nên gọi là đệ nhất). Không sai! Quý vị thật sự hiểu được ý nghĩa của chữ “*đệ nhất*”, trí huệ thật sự mở mang! Tuy nghe hết thầy những điều tổ sư tán thán, tâm quý vị vẫn như như bất động, rõ ràng, minh bạch, quý vị nói xem đệ nhất có nghĩa là gì? Đây chính là thuyết minh, giải thích cảnh giới bình đẳng của hết thầy chư Phật. Tiếp theo đó, đại sư Thanh Lương giảng về trí huệ vô ngại.

(Sớ) Vô ngại trí huệ giả, kết kỳ năng quán.

(疏)無礙智慧者，結其能觀。

(Sớ: Dùng trí huệ vô ngại để tổng kết trí năng quán)

Phần trên nói về cái được Quán, tức là cảnh giới bình đẳng được quán bởi chư Phật. Quý vị dùng cách nào để quán sát? Vô ngại trí huệ. Đây chính là đoạn kinh văn trong phần trước, trong đoạn ấy đã nói:

(Sớ) Trí quang chiếu diệu.

(疏)智光照曜。

(Sớ: Trí quang chiếu rạng).

Trí ấy là trí huệ vô ngại, đây chính là trí năng quán.

(Sớ) Kiến Phật thủ tướng, trệ u phương tiện. Tri Phật không tịch, chân huệ sở trầm. Niệm vô niệm giả, bất ngại sự nhi hằng chân. Vô niệm niệm giả, bất động chân nhi hằng dụng. Động tịch vô ngại, phương niệm chân Phật.

(疏)見佛取相，滯於方便。知佛空寂，真慧所沈。念無念者，不礙事而恆真。無念念者，不動真而恆用。動寂無礙，方念真佛。

(Sớ: Thấy Phật, chấp vào tướng là vướng mắc nơi phương tiện. Biết Phật không tịch, chân huệ bị chìm đắm. Niệm mà vô niệm, chẳng trở ngại nơi Sự, luôn chân thường. Vô niệm mà niệm thì chẳng động Chân nhưng công dụng luôn thường hằng. Động và Tịch vô ngại thì mới niệm chân Phật được)

Tiểu đoạn này nhằm giải thích “*vô ngại trí huệ*”, giải thích “*trí quang chiếu diệu*”. “*Kiến Phật thủ tướng*”: “*Thủ tướng*” là chấp vào tướng, Phật hiện các thứ tướng đều là pháp phương tiện, thường gọi là “*thiện xảo phương tiện*”. Không có phương tiện, Phật chẳng thể độ chúng sanh. Y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, Nhất Chân pháp giới, kinh Hoa Nghiêm gọi là thế giới Hoa Tạng, kinh Di Đà gọi là thế giới Cực Lạc, đều là phương tiện thị hiện, có tướng ấy hay không? Có! Tác dụng của những tướng ấy là làm cho sáu căn của quý vị khi tiếp xúc những cảnh giới ấy, sẽ từ ngay nơi tướng mà lia được tướng, tác dụng ở chỗ này. Nếu quý vị thấy tướng mà chấp vào tướng là hỏng rồi, quý vị mê mất rồi, biến thành phàm phu rồi!

“*Trệ u phương tiện*”: Quý vị chẳng biết phương tiện của Như Lai. Quý vị phải hiểu rằng: Các thứ hiện tượng hiện ra trong thế giới ngày nay của chúng ta đều là phương tiện của chư Phật Như Lai, tùy thuộc quý vị có hiểu hay không? Do vậy, nói thật ra, Phật luôn luôn thị hiện trong thế gian, đáng tiếc là người đời chẳng biết. Vậy thì còn có cách nào nữa! Quý vị chưa giác ngộ mà! Chẳng phải là các Ngài không chịu giúp đỡ quý vị, mà là vì quý vị chẳng biết quay đầu! Nguyên nhân chẳng biết quay đầu là do quý vị hễ thấy Phật liền chấp tướng. Chữ “*Phật*” nói ở đây là nói đại diện, trong mười pháp giới chọn một pháp giới để làm đại diện. Thấy Bồ Tát liền chấp vào tướng Bồ Tát, thấy chúng sanh liền chấp vào tướng chúng sanh, thấy lành liền chấp vào tướng lành, thấy ác liền chấp vào tướng ác, quý vị nói xem có rồi ren hay không? Như vậy là trật lất, chấp vào tướng là sai bết rồi.

Không chấp thì sao? Không chấp cũng trật lất luôn! Tiếp theo đó, lời chú giải ghi: “*Tri Phật không tịch*”, hiểu “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*” đấy cũng là những điều được nói trong kinh, Phật dạy như vậy đấy, không sai! Nhưng quý vị hiểu sai ý nghĩa! Hiểu sai điều gì? [Cứ nghĩ] hết thấy đều là không, [mọi chuyện bèn] mặc kệ! Chuyện gì tôi cũng không muốn làm, chỉ tu cho cái tâm của chính mình thanh tịnh, một tí tạo tâm từ bi cũng không có. Chuyện tốt là giả mà, làm để làm chi? Chuyện xấu là giả mà, có làm cũng chẳng sao! Vậy là quý vị chẳng bị hỏng chuyện có được hay chẳng? Đấy gọi là “*ác thủ không*” (chấp vào Không một cách sai lầm), hiểu lầm ý nghĩa của Phật. Câu đầu tiên trong bài kệ Khai Kinh là “*nguyện kiến Như Lai chân thật nghĩa*”, sao quý vị lại hiểu lầm nghĩa chân thật của Như Lai? Do vậy, Phật nói Không, chẳng thể chấp vào Không. Phật nói Có, chẳng thể chấp vào Có. Chỗ cao minh của chư Phật, Bồ Tát là chẳng chấp vào hai bên Có và Không, như vậy là đúng! Chúng ta biết “*hết thấy các pháp là Không*”, nhưng chúng ta niệm A Di Đà Phật không ngớt, tâm nguyện cầu vãng sanh hết sức khẩn định, thiết tha, chân thật, chẳng rớt vào Không! Biết “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng phải là ngoại lệ. Do vậy, tuy thấy A Di Đà Phật, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng đối với A Di Đà Phật và thế giới Cực Lạc, tuyệt đối không có mảy may tâm tham ái nào, chẳng chấp vào Có. Hai bên Không và Có đều chẳng chấp, đấy mới là chân thật niệm Phật. Do vậy, nếu quý vị chấp vào Không thì

“*chân Huệ bị chìm*”, biến thành gì? Biến thành A La Hán, Bích Chi Phật, chấp Không! Phạm phu chấp Có, Nhị Thừa chấp Không, đều sai cả!

Tiếp đó, lời chú giải dạy chúng ta “*niệm mà vô niệm*”, đây là nói theo Thê. Niệm và vô niệm là một, không hai. “*Bất ngại Sự nhi hằng chân*”, niệm là Sự, trên mặt Sự thì có niệm. Chúng ta một ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, trong hai mươi bốn giờ chẳng gián đoạn, đây là Sự. Nhưng cần biết rằng: Trong bản tánh chân tâm không có niệm, vô niệm mà! Một câu Phật hiệu là gì? Chính là đức hiệu nơi bản tánh Chân Như của chúng ta. Chúng ta niệm một câu A Di Đà chính là niệm mà vô niệm. “*Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, dựa theo Thê để nói thì “*bất ngại Sự nhi hằng chân*”. Vì thế, quý vị phải hiểu rõ đạo lý này, rõ ràng, rành rẽ, câu A Di Đà Phật nào của quý vị cũng đều tương ứng, tương ứng với gì? Tương ứng với Chân Như bản tánh, đây chính là tương ứng với vô niệm, niệm và vô niệm tương ứng. Đây là nói theo Thê. Tiếp đó, “*vô niệm mà niệm*” là nói theo Sự. Vô niệm là bản tánh Chân Như, niệm là sự tướng, tánh khởi tác dụng. Hai thứ này tác dụng lẫn nhau, Sự chẳng ngại Lý, Lý chẳng ngại Sự. Phần trước là nói về Thê, tức là “*Sự chẳng ngại Lý*”. Đối với “*hằng chân*” ở đây thì Chân là chân lý, “*vô niệm mà niệm*” chính là “*Lý chẳng trở ngại Sự*”. Nói Sự hay Lý đều được; nói là Tánh hay Tướng cũng được. Niệm ấy là Tướng, vô niệm là Tánh, đều nói được, đều nói rất thông suốt, đều là rất viên dung. “*Bất động chân nhi hằng dụng*”: Tự tánh là bất động, là thanh tịnh tịch diệt, nhưng chúng ta niệm Phật thì phải động, niệm Phật là Dụng, tức tác dụng.

Chúng ta miệng xưng danh, ý niệm trong tâm tưởng Phật, không cần tưởng gì khác. Nếu chúng ta dấy lên vọng niệm, tốt nhất là nhìn tượng Phật. Hiện thời, chúng ta in rất nhiều tấm các nhỏ có hình tượng Phật, quý vị có thể mang theo, khi vọng niệm dấy lên bèn lấy tượng Phật ra, nhìn vào tượng Phật, tưởng Phật, chẳng cần tưởng gì khác. Quý vị tưởng chi khác đều là tạo sanh tử luân hồi, tưởng Phật thì trong một đời này mới có thể vượt thoát sanh tử luân hồi, đừng tưởng gì khác nữa. Phải niệm kinh cho thuộc, niệm thuộc nhằm ý nghĩa gì? Có lúc vọng tưởng dấy lên, hễ phát hiện chính mình đang khởi vọng tưởng, liền niệm kinh thuộc lòng. Niệm một hai đoạn kinh, vọng tưởng sẽ mất. Đây gọi là “*chân dụng công*”, gọi là “*chân tu hành*”. Phạm phu ai cũng có vọng niệm, không có vọng niệm là đã thành Phật rồi! Vì thế, bậc cổ đại đức dạy chúng ta: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chậm*”. Ý niệm có dấy lên cũng chẳng sao cả! Đây là tập khí từ vô thủy kiếp đến nay, điều này phạm phu ai cũng có, không có gì kỳ lạ cả! Ý niệm vừa dấy lên liền nhận biết ngay lập tức. Giác là gì? Giác là Huệ, tiêu diệt ý niệm ấy đi, tiêu trừ đi. Vì thế, quý vị niệm Phật là giác, quý vị đọc kinh cũng là giác, quý vị nhìn tượng Phật cũng là giác, nhất định phải trừ vọng niệm ấy.

(Sớ) Động tịch vô ngại, phương niệm chân Phật.

(疏)動寂無礙·方念真佛。

(Sớ: Động hay tịch đều vô ngại thì mới là niệm chân Phật).

Đây mới là chân chánh niệm Phật. Chân chánh niệm Phật quy kết lại là tương ứng, “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Sự Lý tương ứng, tánh tướng tương ứng. Lại xem tiếp phần kế:

(Sớ) *Phổ kiến pháp môn giả.*

(疏)普見法門者。

(Sớ: *Pháp môn Phổ Kiến là*).

Một câu này là...

(Sớ) *Tức tổng thu tiền nhị.*

(疏)即總收前二。

(Sớ: *Nhằm gộp chung cả hai thứ trong phần trước*)

Hai thứ trong phần trước...

(Sớ) *Dĩ kết kỳ danh.*

(疏)以結其名。

(Sớ: *Nhằm kết lại phần giải thích tên gọi ấy*).

Câu này là câu tổng kết. Ngài gọi pháp môn ấy là pháp môn Phổ Kiến. tức là cảnh giới bình đẳng của hết thầy chư Phật và trí huệ vô ngại được gọi chung là pháp môn Phổ Kiến.

(Sớ) *Tức tiền phổ nhãn minh triệt dã.*

(疏)即前普眼明徹也。

(Sớ: *Tức là “phổ nhãn thấy thấu suốt triệt để” như đã nói trong phần trước*)

“*Phổ nhãn minh triệt*” được nói trong phần trước, còn ở chỗ này thì...

(Sớ) *Tức thử hậu cú, khả vi tổng danh.*

(疏)即此後句，可為總名。

(Sớ: *Tức là có thể coi câu sau cùng này là tên chung [của pháp môn]*).

Pháp môn này được Ngài gọi bằng danh xưng chung là pháp môn Phổ Kiến. Chúng ta thấy Năng Kiến và Sở Kiến. Trong đoạn sau, đại sư lập ra một đoạn vấn đáp. Ngài nói:

(Sớ) *Vấn, pháp môn vô lượng, hà dĩ sơ hữu tiện giáo niệm Phật?*

(疏)問，法門無量，何以初友便教念佛。

(Sớ: Hỏi: Pháp môn vô lượng, vì sao vị thiện hữu đầu tiên lại dạy niệm Phật?)

Lời hỏi này rất hay! Vô lượng vô biên pháp môn, Thiện Tài gặp được vị đầu tiên để tham phỏng là tỳ-kheo Cát Tường Vân, vì sao trong vô lượng pháp môn, Ngài lại dạy Thiện Tài pháp môn Niệm Phật, chẳng dạy pháp môn khác? Câu hỏi này rất hay, cũng là điều chúng ta đang ngờ vực!

(Sớ) Đáp: Lược hữu thập nghĩa.

(疏)答，略有十義。

(Sớ: Đáp: Đại lược có mười nghĩa).

Đại sư Thanh Lương trả lời câu hỏi này. Nói thật ra thì có vô lượng nghĩa. Vô lượng nghĩa được quy nạp thành mười điều cho dễ nói, thuận tiện một chút, nhằm biểu thị vô lượng. Dưới đây là mười câu.

(Sớ) Niệm Phật tam-muội, chúng hạnh tiên cố. Trí Độ Luận vân: “Bồ Tát dĩ Bát Nhã Ba La Mật vi mẫu, Ban Châu tam-muội vi phụ cố”.

(疏)念佛三昧，眾行先故。智度論云，菩薩以般若波羅蜜為母，般舟三昧為父故。

(Sớ: Vì Niệm Phật tam-muội đứng đầu các hạnh. Trí Độ Luận ghi: “Bồ Tát lấy Bát Nhã Ba La Mật làm mẹ, lấy Ban Châu tam-muội làm cha”)

Rất nhiều người chưa đọc kinh Hoa Nghiêm, mà cũng có nhiều người đọc kinh Hoa Nghiêm theo kiểu nuốt trôi quả táo, chưa nghiên cứu sâu xa ý nghĩa. Nếu thật sự đọc kinh Hoa Nghiêm, tìm tòi nghĩa lý, chưa có một ai chẳng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ!

Tôi đã từng thưa với các quý vị, khi trước, tôi đã từng kể rồi, tôi tin tưởng pháp môn này là do đọc Hoa Nghiêm, giảng Hoa Nghiêm, tôi mới hiểu rõ. Hồi tôi ở Đài Trung, thầy Lý khuyên tôi niệm Phật. Ngài là thầy nên tôi chẳng thể trái ý, nhưng trong tâm hoàn toàn chẳng phục! Tuy miệng không dám nói ra, nhưng trong tâm không phục. Vì sao vậy? Giáo pháp nhiều như thế, chẳng để cho tôi thâm nhập, nghiên cứu, tìm tòi, bảo tôi niệm Phật, nói chung là không cam lòng, chẳng muốn. Năm Dân Quốc 60 (1971), tôi bắt đầu giảng Hoa Nghiêm, khi ấy, giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm và Bát Thập Hoa Nghiêm cùng một lúc, cũng giảng đến chỗ này. Do muốn giảng thì chẳng thể không thâm nhập, nghiên cứu, mới hiểu rõ pháp môn Niệm Phật thù thắng: Trong vô lượng vô biên pháp môn, pháp môn Niệm Phật là bậc nhất.

(Sớ) Niệm Phật tam-muội chúng hạnh tiên cố.

(疏)念佛三昧，眾行先故。

(Sớ: Vì pháp môn Niệm Phật đứng đầu các hạnh).

Hạnh này là hạnh Bồ Tát. Trong vô lượng vô biên Bồ Tát hạnh môn, Niệm Phật tam-muội được tôn là bậc nhất. Do vậy, Niệm Phật tam-muội được gọi là “vua của các tam-muội”, được xưng là Bảo Vương tam-muội là do ý nghĩa này. Đại sư Thanh Lương lại dẫn lời Trí Độ Luận để lập luận. Đây là chứng minh hết sức mạnh mẽ, chẳng phải là Ngài đoán mò, chẳng phải là kiến giải của cá nhân Ngài. Trong Đại Trí Độ Luận có một câu: “*Bồ Tát lấy Bát Nhã Ba La Mật làm mẹ, lấy Ban Châu tam-muội làm cha*”. Do vậy, vị thiện tri thức để tham học đầu tiên trong kinh Hoa Nghiêm là tỳ-kheo Cát Tường Vân tu Ban Châu tam-muội. Trong phần trước, tôi đã nói cặn kẽ với quý vị về Ban Châu tam-muội rồi đó. Ban Châu tam-muội lấy niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ làm chủ. Niệm một vị Phật là niệm hết thầy chư Phật, sanh về một cõi Phật là sanh về hết thầy các cõi Phật, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Đúng là chưa có pháp môn nào có sức thù thắng như thế. Bát Nhã Ba La Mật có trọng yếu hay không? Trọng yếu! Do vậy, trong năm ngoái chúng tôi đã giảng Kim Cang Bát Nhã.

Những đồng tu ở bên Mỹ gọi điện thoại cho tôi, họ đã hoàn thành bản Giảng Ký kinh Kim Cang Bát Nhã trên máy điện toán. Sau khi hoàn thành, còn đợi tôi xem lại một lượt, lại sửa đổi cặn kẽ, rồi mới cho in thành sách. Tôi nghĩ đại khái phải mất thời gian một năm. Sau một năm, cuốn Kim Cang Kinh Giảng Ký được in ra, phân lượng đại khái là phải gấp rưỡi bản Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký. Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký in bản hoàn chỉnh gồm bốn cuốn, Kim Cang Kinh Giảng Ký gồm sáu cuốn, có phân lượng lớn như vậy. Bản kinh ấy giảng mất bốn tháng, tổng cộng giảng trong hai trăm bốn mươi tám giờ, nhưng chúng tôi giảng Vô Lượng Thọ Kinh chỉ là một trăm lẻ bảy giờ, còn để giảng bản này thì mất hai trăm bốn mươi tám giờ, giảng một bộ Kim Cang Kinh! Nghe nói hiện thời ở nơi đây có đài truyền hình đã cho phát sóng, đại khái cần phải phát hình trong một năm.

Đối với pháp Ban Châu tam-muội này, cần phải biết Kim Cang Bát Nhã. Vì sao vậy? Biết Kim Cang Bát Nhã thì quý vị mới có thể thấy thấu suốt, mới buông xuống được; quý vị niệm Phật mới được tương ứng. Nếu quý vị không có trí huệ, trong phần trước [như tôi đã nói], quý vị không chấp Có, sẽ liền chấp Không, quý vị niệm Phật sẽ chẳng thể tương ứng được. Trí huệ Bát Nhã dạy chúng ta phải bỏ, đừng chấp vào hai bên Có và Không thì một câu Phật hiệu sẽ đắc lực, được tương ứng. Đây là lý do thứ nhất. Lý do thứ hai:

(Sớ) Ý Phật lực năng thành thắng hạnh cố.

(疏)依佛力能成勝行故。

(Sớ: Do nương vào Phật lực, sẽ có thể thành tựu hạnh thù thắng).

Ý nghĩa của câu này rất rõ ràng. Tu học các pháp môn khác là cậy vào chính mình, cậy vào chính mình để đoạn Hoặc chứng Chân, khó lắm! Quá sức là khó! Nhưng pháp môn Ban Châu Tam Muội Niệm Phật lập tức được Phật lực gia trì, điều này hết sức chẳng thể nghĩ bàn. Không chỉ được Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni

Phật gia trì, A Di Đà Phật gia trì, mà còn cùng lúc được mười phương ba đời hết thầy chư Phật gia trì. Chỉ cần quý vị thật tâm niệm, chỉ cần niệm đúng pháp, trong kinh có nói những đạo lý, phương pháp này, đúng như lý, như pháp để niệm, quý vị lập tức được chư Phật Như Lai gia trì, trở thành sự tu hành thù thắng nhất trong những hạnh môn. Do vậy, dựa vào năng lực của chính mình thì quý vị phải đoạn phiền não. Đừng nói chi khác, thị phi, nhân ngã, ngũ dục, lục trần, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, quý vị có thể đoạn được hay chăng? Chẳng thể chỉ đoạn những thứ này trên mặt Sự! Đoạn trên mặt Sự thì vô ích! Cảnh giới hiện tiền, tuyệt đối chẳng khởi tâm động niệm, như vậy mới gọi là thật sự đoạn. Quý vị vẫn còn có ý niệm sanh khởi thì quý vị chưa đoạn, ở chỗ nào thì quý vị mới được gọi là đoạn? Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm! Nhất định phải dựa vào Phật lực. Do vậy, pháp môn Niệm Phật dựa vào Phật lực, dựa vào sức gia trì của hết thầy chư Phật. Vì thế, quý vị phải nghe kinh. Nếu thường nghe kinh, những pháp sư khác giảng kinh quý vị cũng có thể đến nghe, quý vị đến nơi ấy để thể nghiệm. Giảng kinh Tịnh Độ, kinh Hoa Nghiêm là kinh Tịnh Độ, đặc biệt là Tứ Thập Hoa Nghiêm. Quý vị thấy hiện tại đang giảng pháp môn Niệm Phật, bảo quý vị niệm A Di Đà Phật, cho nên kinh này là Niệm Phật Kinh. Cổ nhân xưng tụng Vô Lượng Thọ Kinh là trung bản Hoa Nghiêm, A Di Đà Phật là tiểu bản Hoa Nghiêm. Như vậy thì Hoa Nghiêm Kinh là đại bản của Vô Lượng Thọ Kinh.

Vì thế, quý vị nghe kinh này, đọc loại kinh này, khí phận khác hẳn, đạo tràng này cảm ứng khác hẳn, do được chư Phật hộ niệm, cho nên mọi người trong đạo tràng này có thể sanh tâm hoan hỷ. Sanh tâm hoan hỷ chẳng phải là vì pháp sư giảng hay, thừa với các quý vị, mà là do Phật quang rưới gội, là do được Phật lực gia trì. Vì thế, quý vị có cảm nhận đặc biệt là do ý nghĩa này. Quý vị lại nghe giảng những kinh khác, giảng kinh khác tuy vẫn có [sự hoan hỷ], nhưng sức hoan hỷ rất yếu ớt, khác hẳn! Do khí phận trong đạo tràng này khác hẳn, nên quý vị cảm nhận khác hẳn. Nếu quý vị chú tâm lãnh hội, cũng thấy rất rõ rệt, rất rõ ràng, có thể nhận biết được. A! Hôm nay đã hết thời gian rồi. Chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh
Hạnh Nguyễn Phẩm
Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương
Phần 3 hết